

**MS\_Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 05-2025-VHT-K3-SMH**

**Đơn vị trình ký:** Trợ lý nghiệp vụ - Phòng Đầu tư - Trung tâm Mua sắm - TCT CNC - Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel

**Danh sách ký duyệt**

STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến
1	NGUYỄN MINH QUANG	Tổng Giám đốc - Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	26/12/2025 14:38:57	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIETTEL

## HỒ SƠ MỜI THẦU

**Tên gói thầu:** 05-2025-VHT-K3-SMH Thuê ngoài phát triển phần mềm web – giai đoạn 2

**Dự án:** Đầu tư phát triển nền tảng ngôi nhà thông minh (Smarthome Platform)

**Ban hành kèm theo Quyết định** ...../QĐ-VHT

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
CÔNG NGHỆ CAO VIETTEL  
TỔNG GIÁM ĐỐC

**Thượng tá Nguyễn Minh Quang**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Quy chế LCNT	Quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Ban hành kèm theo Quyết định số 12869/QĐ-CNVTTQĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội). Quy chế này được đăng tải trên website: Dauthau.viettel.com.vn
Tập đoàn hoặc Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Hệ thống	Hệ thống là Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mpi.gov.vn).
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng.

### **Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT);
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu);
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật);
- Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính);
- Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)).

### **Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật**

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

### **Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSĐT và hợp đồng.

## CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Chủ đầu tư - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội ban hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu: 05-2025-VHT-K3-SMH Thuê ngoài phát triển phần mềm web – giai đoạn 2</p> <p>1.3. Dự án: Dự án đầu tư phát triển nền tảng ngôi nhà thông minh (Smarthome Platform)</p> <p>1.4. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập): gói thầu không chia phần</p> <p><b>1.5. Việc tổ chức LCNT gói thầu này thực hiện theo Quy chế LCNT.</b></p>
<b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<b>3. Nguồn vốn</b>	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu: vốn góp của chủ sở hữu
<b>4. Hành vi bị cấm</b>	<p>4.1. Đưa, nhận hoặc môi giới hối lộ;</p> <p>4.2. Can thiệp trái pháp luật hoặc trái quy định của Tập đoàn vào hoạt động lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3. Dàn xếp, thông thầu, gian lận, che giấu hoặc hành vi cố ý khác làm sai lệch thông tin, KQLCNT. Khái niệm những hành vi này được hiểu theo quy định của Luật đấu thầu;</p> <p>4.4. Chia nhỏ gói thầu trái quy định để chỉ định thầu hoặc để không hình thành gói thầu;</p> <p>4.5. Tiết lộ, lợi dụng thông tin nội bộ và các thông tin liên quan trong quá trình tổ chức LCNT nhằm trục lợi;</p> <p>4.6. Không trung thực trong cung cấp hồ sơ, tài liệu;</p> <p>4.7. Cản trở, đe dọa, mua chuộc thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định hoặc cá nhân khác có liên quan;</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, HSĐX mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng.</p>

	<p>4.9. Đưa thông tin thất thiệt, không đúng sự thật lên các phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn;</p> <p>4.10. Lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để gửi đơn thư sai sự thật, gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn.</p>
<b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;</li><li>b) Hạch toán tài chính độc lập;</li><li>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</li><li>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</li><li>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</li><li>f) Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngăn;</li></ul> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</li><li>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</li><li>c) Các điều kiện tại điểm e, f Mục 5.1.</li></ul> <p>5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</li><li>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;</li><li>c) Các điều kiện tại điểm d, e Mục 5.1.</li></ul> <p>5.4. Các nhà thầu có thể liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh để tham dự thầu, đứng tên dự thầu. Trong trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên</p>

	<p>danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.</p> <p>5.5. Các Đơn vị thành viên của Tập đoàn được phép tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn và được mặc định là có tư cách hợp lệ.</p> <p>5.6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.</li><li>- Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</li></ul> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>X<sub>i</sub>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</li><li>Y<sub>i</sub>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</li><li>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</li></ul>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Chương I, Chương II, Chương III, Chương IV cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li><li>- Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;</li><li>- Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật.</li><li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng.</li></ul> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù</p>

<sup>1</sup>Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>hợp.</p>
<b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.4. Hội nghị tiền đấu thầu: không Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.6. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi</p>

	<p>chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.</p> <p>Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống.</p> <p>Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt (trừ trường hợp catalogue đính kèm của hãng sản xuất/nhà sản xuất không có phiên bản tiếng Việt thì chấp nhận bằng tiếng Anh). Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung bản dịch tiếng Việt (nếu cần thiết).</p>
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 02 (02A hoặc 02B) chương IV của E-HSMT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 chương IV của E-HSMT (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các tài liệu khác nộp cùng E-HSDT như sau: không yêu cầu</p>
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT. Nhà thầu chịu trách nhiệm thống nhất các thông tin kê khai trên Hệ thống với E-HSDT đính kèm.</p> <p>Trường hợp có sự khai khác giữa các thông tin kê khai trên Hệ thống và thông tin trong E-HSDT đính kèm thì thông tin kê khai trên Hệ thống là căn cứ để đánh giá E-HSDT (ngoại trừ Bảo lãnh dự thầu).</p>
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b>	<p>12.1. Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu “được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật</p>

	<p>thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương II.</p>
<b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b>	<p>13.1. Giá dự thầu cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Giá dự thầu là giá trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11.1 Chương IV vào đơn dự thầu.</li><li>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</li><li>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</li><li>d) Nhà thầu phải nộp E-HSĐT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.</li></ul> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</li><li>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</li></ul> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSĐT có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Quy chế LCNT.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên</p>

	<p>bỏ giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV.</p>
<b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<b>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về mặt kỹ thuật</b>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSĐT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương III</p>
<b>16. Tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu</b>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương II. Trường hợp nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện như sau: không yêu cầu.</p>
<b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT</b>	<p>17.1. Thời hạn hiệu lực của E-HSĐT là: <math>\geq 90</math> ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSĐT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSĐT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<b>18. Bảo đảm</b>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp</p>

**dự thầu**

bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể như sau:

- Giá trị bảo đảm dự thầu: 174.000.000 VND (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn./.).

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày tính từ ngày đóng thầu

Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;

b) Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu rút E-HSMT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo

	<p>chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời thương thảo hợp đồng và được tính từ ngày thực hiện thương thảo hợp đồng). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi thương thảo hợp đồng nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết trong E-HSDT của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, không được bắt buộc nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu, nhưng nhà thầu phải cam kết về trách nhiệm dự thầu.</p>
<b>19. Thời điểm đóng thầu</b>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>E-TBMT</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo</p>

	<p>đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu.</p>
<b>21. Mở thầu</b>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy chế LCNT; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quy chế LCNT.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Số E-TBMT;</li><li>- Tên gói thầu;</li><li>- Tên Chủ đầu tư;</li><li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li><li>- Loại hợp đồng;</li><li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li><li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li></ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên nhà thầu;</li><li>- Giá dự thầu;</li><li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li><li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li><li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li><li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;</li><li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li><li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li></ul> <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p>

	<p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<b>23. Làm rõ E-HSDT</b>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư gửi yêu cầu làm rõ để nhà thầu bổ sung, làm rõ để chứng minh các thông tin này đã tồn tại trước thời điểm đóng thầu, không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã chào trong E-HSDT.</p> <p>Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Đối với thỏa thuận liên danh, được phép làm rõ các nội dung liên quan đến công việc và tỷ lệ thực hiện của các thành viên trong liên danh.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một</p>

	<p>phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</b>	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được</p>

	<p>điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<b>27. Nhà thầu phụ</b>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu không được thực hiện hành vi chuyển nhượng thầu:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng.</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư chấp thuận.</p>
<b>28. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch</b>	<p>28.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong E-HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;</p>

c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này;

d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT;

đ) Lỗi nhằm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

#### 28.2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:

a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với phần hàng hóa:

Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì **được coi** là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng E-HSDT.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong E-HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSDT. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng

mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

28.3. Trường hợp nhà thầu có thừa giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá.

28.4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 28.2 E-CDNT vẫn được xếp hạng thứ nhất và E-HSDT của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các E-HSDT vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).

28.5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các Mục 28.1, 28.2, 28.3, 28.4 E-CDNT, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác.

**29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng**

29.1. Nguyên tắc ưu đãi:

a) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hoặc các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) không bằng nhau thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.

b) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 29.2 CNDT.

29.2. Việc xác định ưu đãi được thực hiện trong quá trình xếp hạng E-HSDT.

Cách áp dụng ưu đãi được thực hiện như sau:

- Trường hợp các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (Đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc giá đánh giá (Đối với phương pháp giá đánh giá) hoặc điểm kỹ thuật (đối với phương pháp giá cố định) bằng nhau, ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi dưới đây:

+ Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;

+ Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan.

- Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là hàng hóa có tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước  $\geq 30\%$ . Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:

Công thức trực tiếp:  $D (\%) = G^*/G \times 100\%$

Công thức gián tiếp:  $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$

Trong đó:

G\*: Là chi phí sản xuất trong nước;

	<p>G: Là giá chào của hàng hóa trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa;</p> <p>C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu;</p> <p>D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. <math>D \geq 30\%</math>.</p>
<b>30. Đánh giá E-HSDT</b>	<p>30.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định sau để đánh giá E-HSDT.</p> <p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu: Đạt/Không đạt.</li><li>- Đánh giá về kỹ thuật: “Đạt/Không đạt”</li><li>- Đánh giá về tài chính: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.</li></ul> <p>30.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 30.1 E-CDNT, tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại Mục 30.3 hoặc Mục 30.4 Mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>30.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với tất cả phương pháp đánh giá):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Mục 2 Chương II</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực thực hiện gói thầu thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li></ul> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương II. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương II. Việc so sánh, xếp hạng E-HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định sau:</p> <p>Xếp hạng nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT.</p>

30.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các E-HSDT đều không phải sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 30.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại điểm b Mục 30.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 30.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 31 E-CDNT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

30.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Bảo đảm dự thầu: Thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) là căn cứ để đánh giá;

c) Trường hợp các thông tin, tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, không đính kèm hoặc kê khai, đính kèm nhưng không đầy đủ, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thông tin, tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong

	<p>một khoảng thời gian không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Quy chế LCNT. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin về đối tượng được hưởng ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<b>31. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</b>	<p>31.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư<sup>1</sup> tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p>

<sup>1</sup> Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

- b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất.
- c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV;
- d) Các tài liệu chứng minh về năng lực thực hiện gói thầu mà nhà thầu đã kê khai, đính kèm trong E-HSDT như: Hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); hoặc tài liệu chứng minh năng lực thực hiện gói thầu khác đã kê khai trong E-HSDT.
- đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;
- e) Tài liệu khác (nếu có).
- 31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng. Nhà thầu thương thảo thành công sẽ được xét duyệt trúng thầu.
- 31.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời thương thảo hợp đồng đến nhà thầu. Trong Thông báo phải ghi rõ thời gian, địa điểm thương thảo hợp đồng trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- 31.4. Nguyên tắc thương thảo, nội dung thương thảo:
- a) Nguyên tắc thương thảo:
- Chỉ thương thảo những điểm chưa rõ, chưa thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT. Không thương thảo những nội dung đã rõ, đã thống nhất giữa E-HSDT và E-HSMT.
- b) Nội dung thương thảo hợp đồng:
- Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng;
  - Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong E-HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong E-HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;
  - Thương thảo về nhân sự: Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo

	<p>nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</li><li>- Thương thảo về giá (nếu có). Trong trường hợp này, giá sau thương thảo là giá đề nghị trúng thầu.</li><li>- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</li></ul>
<b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II;</p> <p>32.2. Có năng lực thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II;</p> <p>32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định sau: “Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</p> <p>Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.</p> <p>32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt và thương thảo hợp đồng thành công. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<b>33. Hủy thầu</b>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</li><li>b) E-HSMT không tuân thủ quy định dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</li><li>c) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</li><li>d) Đấu thầu trước nhưng Dự án/khoản đầu tư không được phê duyệt theo khoản 5 Điều 25 của Quy chế LCNT.</li><li>e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 15 Điều 36 Quy chế LCNT.</li></ul> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Quy chế LCNT dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù</p>

	<p>chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Quy chế LCNT.</p>
<b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Số E-TBMT;</li><li>- Tên gói thầu;</li><li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li><li>- Tên Chủ đầu tư;</li><li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li><li>- Loại hợp đồng;</li><li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li></ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mã số thuế;</li><li>- Tên nhà thầu;</li><li>- Giá dự thầu;</li><li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li><li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li><li>- Giá đánh giá (nếu có);</li><li>- Giá trúng thầu;</li><li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li><li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li></ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<b>35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và</b>	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ 30% và không có bất kỳ thay</p>

<b>dịch vụ</b>	đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT.
<b>36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b>	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Chương IV cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
<b>37. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>38.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Chương IV. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Chương IV hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li><li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li><li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li></ul>

<b>39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Quy chế LCNT.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người có thẩm quyền: Ông Tào Đức Thắng</li><li>+ Địa chỉ: Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</li><li>+ E-mail: msvpt@viettel.com.vn.</li></ul>
--	---

## CHƯƠNG II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

#### 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực thực hiện gói thầu theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung gồm: Lịch sử hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu; khả năng thực hiện gói thầu (nếu có) để đánh giá năng lực thực hiện gói thầu của nhà thầu; nhân sự chủ chốt (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hiện gói thầu.

Năng lực của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực thực hiện gói thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> . đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong E-HSDT
3	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 5.805.000.000 VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự</b>	Nhà thầu đã hoàn thành <sup>(7)</sup> tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A

Các tiêu chí năng lực thực hiện gói thầu			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: dịch vụ phát triển phần mềm <sup>10)</sup> ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1.741.500.000 VND <sup>(14)</sup> . Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.				

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:  
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;  
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định điều 9 Quy chế LCNT quy chế thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào thương thảo hợp đồng. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này.

Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022). Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm và không phải kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu thì không đánh giá tiêu chí này.

(5\*) Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023.*

*Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:  
Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại Điều 9 quy chế LCNT thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc
- (ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực

hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong

đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng. Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa

được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN GÓI THẦU**  
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn chia thành nhiều phần)

<b>STT</b>	<b>Mã phần (lô)</b>	<b>Tên phần (lô)</b>	<b>Giá trị ước tính từng phần (VND)</b>	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)</b>	<b>Tính chất hợp đồng tương tự</b>	<b>Quy mô hợp đồng tương tự ** (VND)</b>

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Ghi chú:

(5) Trường hợp không yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung này. Trường hợp có yêu cầu về doanh thu và nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các

phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(6), (7) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự

(\*\*\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về năng lực sản xuất hàng hóa căn cứ trên tổng năng lực sản xuất hàng hóa yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu năng lực sản xuất hàng hóa của phần đó.

**Bảng Y**

**BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ**

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

<b>STT</b>	<b>Danh mục dịch vụ</b>	<b>Giá trị được coi là tương tự (VND)<sup>(4)</sup></b>
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

**Ghi chú:**

- (1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.
- (3) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.
- (4) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (13) Bảng số 01 Chương này.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy chế LCNT.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt <sup>(1)</sup>**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
2			tối thiểu ___ năm hoặc tối thiểu ___ hợp đồng	
3				

...				
-----	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:**

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy chế LCNT.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

**Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối

với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không áp dụng**

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Gói thầu không chia phần.**

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

## CHƯƠNG III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1 Giới thiệu chung về Dự án, gói thầu

- Địa điểm thực hiện: Hà Nội.
- Quy mô: theo bảng dịch vụ cung cấp
- Yêu cầu về cung cấp dịch vụ: Dịch vụ được cung cấp phải đáp ứng yêu cầu tại A-HSMT
- Thời gian thực hiện gói thầu: 325 ngày.

#### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

\*Nội dung đánh giá kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

Nội dung đánh giá		Tiêu chí đánh giá
1. Phạm vi cung cấp dịch vụ	Đúng, đủ danh mục dịch vụ theo quy định tại <b>E-HSMT</b>	Đạt
	Không đúng, không đủ danh mục dịch vụ theo quy định tại <b>E-HSMT</b>	Không đạt
2. Tiến độ cung cấp	Đáp ứng tiến độ theo quy định tại <b>E-HSMT</b>	Đạt
	Không đáp ứng tiến độ theo quy định tại <b>E-HSMT</b>	Không đạt
3. Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ	Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục 4. Yêu cầu kỹ thuật" chương III <b>E-HSMT</b>	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục 4 "Yêu cầu kỹ thuật" chương III <b>E-HSMT</b>	Không đạt
4. Giải pháp và phương pháp luận.	Nhà thầu có giải pháp và phương pháp luận chi tiết và phù hợp với các nội dung tại yêu cầu kỹ thuật của <b>A-HSMT</b>	Đạt
	Nhà thầu không có giải pháp và phương pháp luận hoặc có giải pháp và phương pháp luận nhưng không chi tiết hoặc không phù hợp với các nội dung tại yêu cầu kỹ thuật của <b>A-HSMT</b>	Không đạt
5. Các yêu cầu khác	Có cam kết đáp ứng các yêu cầu khác đáp ứng quy định tại <b>A-HSMT</b>	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng các yêu cầu khác quy định tại <b>A-HSMT</b>	Không đạt

#### 3. Tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật:

Nhà thầu được yêu cầu nộp "Bảng tuyên bố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật" để chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ chào thầu. Nhà thầu tuyên bố "Đáp ứng" hoặc "Không đáp ứng" các yêu cầu kỹ thuật của dịch vụ.

Bảng tuyên bố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được lập dạng bảng gồm tối thiểu các thông tin với cấu trúc sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>	<b>Tuyên bố đáp ứng</b>	<b>Thông tin chứng minh</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

**Trong đó:**

- Cột (1), (2), (3) lấy theo Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của dịch vụ trong A-HSMT. Cột (4) ghi tuyên bố: “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”. Trường hợp nhà thầu tuyên bố là “Không đáp ứng” thì yêu cầu kỹ thuật đó sẽ bị đánh giá là “Không đạt”.
- Cột (5) giải thích lý do tuyên bố đáp ứng hoặc không đáp ứng và cung cấp tài liệu chứng minh. Nhà thầu phải chỉ rõ tên tài liệu, mục, trang, dòng của tài liệu chứng minh. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu mình cung cấp, trường hợp Chủ đầu tư phát hiện các tài liệu cung cấp không đúng sự thật, thì Nhà thầu sẽ được đánh giá là gian lận và bị loại.

**4. Yêu cầu kỹ thuật**

Đánh giá về kỹ thuật chi tiết: áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”/ “Không đạt”.

Hàng hóa dự thầu được đánh giá là “Đạt” về mặt kỹ thuật khi đạt đồng thời:

+ 100% các **Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết cơ bản (CTCB)** được đánh giá là “Đạt”

+ 100% các **Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết không cơ bản (KCB)** được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

Trong đó:

\* **Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết cơ bản:** là các chỉ tiêu chính, cơ bản và quan trọng bắt buộc phải đáp ứng. Có 02 mức đánh giá: **Đạt, Không Đạt.**

\* **Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết không cơ bản:** là các chỉ tiêu không thực sự quan trọng. Có 03 mức đánh giá: **Đạt, Chấp nhận được, Không Đạt.**

**Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật dưới đây:**

**4.1 Yêu cầu chức năng nghiệp vụ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>		<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Loại chỉ tiêu</b>
	<b>Tên Chức năng</b>	<b>Mã yêu cầu</b>			
<b>I</b>	<b>Web client</b>				
	Phát triển chức năng Quản lý tài khoản				
1.	Giao diện trang chính chào mừng, giới thiệu dịch vụ	VHTC_W_1	Giao diện trang chính chào mừng, giới thiệu dịch vụ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
2.	Xây dựng UI màn hình form Login SMH cùng mã captcha	VHTC_W_2	Xây dựng UI màn hình form Login SMH cùng mã captcha	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
3.	Xử lý chức năng login Form cùng mã captcha	VHTC_W_3	Xử lý chức năng login Form cùng mã captcha	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
4.	Xây dựng API login Authentication	VHTC_W_4	Xây dựng API login Authentication	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
5.	Xây dựng API yêu cầu lấy thông tin dữ liệu mã Captcha của Client	VHTC_W_5	Xây dựng API yêu cầu lấy thông tin dữ liệu mã Captcha của Client	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
6.	Xây dựng UI xử lý chức năng login xác thực OTP	VHTC_W_6	Xây dựng UI xử lý chức năng login xác thực OTP	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
7.	Xây dựng API xác thực Login server IOT bằng mã OTP	VHTC_W_7	Xây dựng API xác thực Login server IOT bằng mã OTP	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
8.	Xây dựng UI Modal chức năng cho phép người dùng chuyển hướng tải ứng dụng	VHTC_W_8	Xây dựng UI Modal chức năng cho phép người dùng chuyển hướng tải ứng dụng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
9.	Xây dựng API yêu cầu phía server IOT gửi một mã OTP về user	VHTC_W_9	Xây dựng API yêu cầu phía server IOT gửi một mã OTP về user	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
10.	Xây dựng xử lý phiên đăng nhập hệ thống	VHTC_W_10	Xây dựng xử lý phiên đăng nhập hệ thống	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
11.	Xây dựng chức năng đổi ngôn ngữ	VHTC_W_11	Xây dựng chức năng đổi ngôn ngữ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
12.	Xây dựng chức năng Đăng xuất	VHTC_W_12	Xây dựng chức năng Đăng xuất	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
13.	Xây dựng chức năng đổi mật khẩu	VHTC_W_13	Xây dựng chức năng đổi mật khẩu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
14.	Xây dựng chức năng quên mật khẩu	VHTC_W_14	Xây dựng chức năng quên mật khẩu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<i>Phát triển chức năng Quản lý thiết bị</i>				
15.	Xây dựng chức năng màn hình chính Quản lý thiết bị	VHTC_W_15	Xây dựng chức năng màn hình chính Quản lý thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
16.	Màn hình Quản lý thiết bị Chức năng: Hiện thị list theo điều kiện	VHTC_W_16	Màn hình Quản lý thiết bị Chức năng: Hiện thị list theo điều kiện tìm kiếm, phân trang	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
	tìm kiếm, phân trang				
17.	Xây dựng API lấy danh sách thiết bị	VHTC_W_17	Xây dựng API lấy danh sách thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
18.	Xây dựng Panel hiển thị danh sách nhà, phòng	VHTC_W_18	Xây dựng Panel hiển thị danh sách nhà, phòng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
19.	Xây dựng Màn hình xem chi tiết thông tin	VHTC_W_19	Xây dựng Màn hình xem chi tiết thông tin	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
20.	Xây dựng Màn hình xóa thiết bị	VHTC_W_20	Xây dựng Màn hình xóa thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
21.	Xây dựng Panel hiển thị danh sách camera	VHTC_W_21	Xây dựng Panel hiển thị danh sách camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
22.	Xây dựng API lấy danh sách nhà	VHTC_W_22	Xây dựng API lấy danh sách nhà	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
23.	Xây dựng API lấy danh sách phòng	VHTC_W_23	Xây dựng API lấy danh sách phòng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
24.	Xây dựng API xem chi tiết thông tin	VHTC_W_24	Xây dựng API xem chi tiết thông tin	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
25.	Xây dựng API xóa thiết bị	VHTC_W_25	Xây dựng API xóa thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
26.	Xây dựng Màn hình chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	VHTC_W_26	Xây dựng Màn hình chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
27.	Xây dựng API chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	VHTC_W_27	Xây dựng API chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
28.	Xây dựng Chức năng cấu hình các gói lưu trữ cho camera	VHTC_W_28	Xây dựng Chức năng cấu hình các gói lưu trữ cho camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
29.	Xây dựng Chức năng cấu hình các tính năng xử lý AI cho từng camera	VHTC_W_29	Xây dựng Chức năng cấu hình các tính năng xử lý AI cho từng camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
30.	Xây dựng Api lấy danh sách site, danh sách site hiển thị dưới dạng tree và được sắp xếp theo thứ tự A-Z	VHTC_W_30	Xây dựng Api lấy danh sách site, danh sách site hiển thị dưới dạng tree và được sắp xếp theo thứ tự A-Z	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
31.	Xây dựng API tìm kiếm danh sách device theo các điều kiện tìm kiếm	VHTC_W_31	Xây dựng API tìm kiếm danh sách device theo các điều kiện tìm kiếm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
32.	Xây dựng ws (API) lấy tổng số device đang online (trên tổng số device theo kết quả tìm kiếm)	VHTC_W_32	Xây dựng ws (API) lấy tổng số device đang online (trên tổng số device theo kết quả tìm kiếm)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<i>Phát triển chức năng Liveview</i>				
33.	Xây dựng UI màn hình Liveview Layout grid	VHTC_W_33	Xây dựng UI màn hình Liveview Layout grid	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
34.	Nghiên cứu lib, xây dựng quản lý tổ chức lưới Grid theo yêu cầu	VHTC_W_34	Nghiên cứu lib, xây dựng quản lý tổ chức lưới Grid theo yêu cầu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
35.	Xây dựng API lấy thông tin danh sách Layout view của CurrentUser	VHTC_W_35	Xây dựng API lấy thông tin danh sách Layout view của CurrentUser	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
36.	Xây dựng API Create Layout	VHTC_W_36	Xây dựng API Create Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
37.	Xây dựng API Edit, cập nhật layout	VHTC_W_37	Xây dựng API Edit, cập nhật layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
38.	Xây dựng API Xóa Layout	VHTC_W_38	Xây dựng API Xóa Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
39.	Xây dựng API lây thông tin phiên sử dụng danh sách Layout cuối	VHTC_W_39	Xây dựng API lây thông tin phiên sử dụng danh sách Layout cuối	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
40.	Xây dựng API Update Sessition phiên sử dụng Layout cuối	VHTC_W_40	Xây dựng API Update Sessition phiên sử dụng Layout cuối	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
41.	Xây dựng, xử lý UI Control Tab Layout	VHTC_W_41	Xây dựng, xử lý UI Control Tab Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
42.	Xây dựng UI, chức năng Popup Rename, chức năng Option Rename Layout	VHTC_W_42	Xây dựng UI, chức năng Popup Rename, chức năng Option Rename Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
43.	Xử lý Option chức năng Thêm mới Layout	VHTC_W_43	Xử lý Option chức năng Thêm mới Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
44.	Xử lý Option chức năng Duplicate Layout	VHTC_W_44	Xử lý Option chức năng Duplicate Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
45.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Save Layout As	VHTC_W_45	Xây dựng Xử lý Option chức năng Save Layout As	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
46.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Delete Layout	VHTC_W_46	Xây dựng Xử lý Option chức năng Delete Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
47.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close	VHTC_W_47	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
48.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close All But This Layout	VHTC_W_48	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close All But This Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
49.	Xử lý chức năng kéo thả DragItem Layout	VHTC_W_49	Xử lý chức năng kéo thả DragItem Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
50.	Xử lý chức năng Resize thay đổi kích thước Item Layout	VHTC_W_50	Xử lý chức năng Resize thay đổi kích thước Item Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
51.	Xử lý chức năng Xem Full Screen	VHTC_W_51	Xử lý chức năng Xem Full Screen	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
52.	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	VHTC_W_52	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
53.	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	VHTC_W_53	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
54.	Xây dựng UI bảng điều khiển PTZ	VHTC_W_54	Xây dựng UI bảng điều khiển PTZ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
55.	Xử lý chức năng tích hợp Realtime LiveView thiết bị trên Item Layout	VHTC_W_55	Xử lý chức năng tích hợp Realtime LiveView thiết bị trên Item Layout, hỗ trợ các loại camera codec khác nhau gồm h264, h265.	- Đạt: Khi nhà thầu cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, cung cấp sản phẩm demo (Bản chạy ứng dụng demo; tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng demo; source code ứng dụng) chứng minh giải pháp đáp ứng tính năng; Nhà thầu tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu. - Không đạt: Khi nhà thầu không cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, hoặc giải pháp kỹ thuật không đúng; không cung cấp sản phẩm demo chứng minh giải pháp hoặc cung cấp không đầy đủ, hoặc sản phẩm không chạy được, hoặc không thể hiện đúng tính năng; Nhà thầu không tuyên bố hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu.	CTC B
56.	Xử lý chức năng chuyển Tab Layout	VHTC_W_56	Xử lý chức năng chuyển Tab Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
57.	Xử lý chức năng Update phiên đăng nhập	VHTC_W_57	Xử lý chức năng Update phiên đăng nhập	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
58.	Xử lý chức năng xử lý reLogin trang	VHTC_W_58	Xử lý chức năng xử lý reLogin trang	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
59.	Thêm mới API lấy danh sách thông tin User current Group	VHTC_W_59	Thêm mới API lấy danh sách thông tin User current Group	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
60.	Thêm mới API xử lý chia sẻ layout cho người dùng trong hệ thống	VHTC_W_60	Thêm mới API xử lý chia sẻ layout cho người dùng trong hệ thống	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
61.	Xây dựng UI, xử lý chức năng Popup chia sẻ Layout	VHTC_W_61	Xây dựng UI, xử lý chức năng Popup chia sẻ Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
62.	Xây dựng UI Control tab Sidebar, danh sách Camera	VHTC_W_62	Xây dựng UI Control tab Sidebar, danh sách Camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
63.	Xử lý chức năng tìm kiếm chọn select thiết bị bằng bàn phím và con trỏ chuột	VHTC_W_63	Xử lý chức năng tìm kiếm chọn select thiết bị bằng bàn phím và con trỏ chuột	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
64.	Xử lý chưa năng tích hợp kéo thiết bị vào Item Layout	VHTC_W_64	Xử lý chưa năng tích hợp kéo thiết bị vào Item Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
65.	Xây dựng UI Control tab Layouts, danh sách Layouts	VHTC_W_65	Xây dựng UI Control tab Layouts, danh sách Layouts	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
66.	Xây dựng xử lý chức năng Option Sidebar Tab Layouts	VHTC_W_66	Xây dựng xử lý chức năng Option Sidebar Tab Layouts	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
67.	Xử lý chức năng chọn thiết bị và tương tác Remove thiết bị khỏi Layout	VHTC_W_67	Xử lý chức năng chọn thiết bị và tương tác Remove thiết bị khỏi Layout	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
68.	Xây dựng tab Control Events List RealTime	VHTC_W_68	Xây dựng tab Control Events List RealTime	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
69.	Xử lý chức năng realtime update sự kiện event của thiết bị đang live	VHTC_W_69	Xử lý chức năng realtime update sự kiện event của thiết bị đang live	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
70.	Xây dựng UI camera Detail	VHTC_W_70	Xây dựng UI camera Detail	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
71.	Xử lý các button tương tác với thiết bị live	VHTC_W_71	Xử lý các button tương tác với thiết bị live	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
72.	Xử lý chức năng fullscreen từng camera	VHTC_W_72	Xử lý chức năng fullscreen từng camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
73.	Xử lý chức năng zoom tùy biến theo vị trí trên ô video player	VHTC_W_73	Xử lý chức năng zoom tùy biến theo vị trí trên ô video player	- Đạt: Khi nhà thầu cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, cung cấp sản phẩm demo (Bản chạy ứng dụng demo; tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng demo; source code ứng dụng) chứng minh giải pháp đáp ứng tính năng; Nhà thầu tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu. - Không đạt: Khi nhà thầu không cung cấp tài liệu báo	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
				cáo giải pháp kỹ thuật, hoặc giải pháp kỹ thuật không đúng; không cung cấp sản phẩm demo chứng minh giải pháp hoặc cung cấp không đầy đủ, hoặc sản phẩm không chạy được, hoặc không thể hiện đúng tính năng; Nhà thầu không tuyên bố hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu.	
74.	Xử lý chức năng screenshot	VHTC_W_74	Xử lý chức năng screenshot	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
75.	Xử lý chức năng record video player	VHTC_W_75	Xử lý chức năng record video player	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
76.	Xử lý chức năng print hình ảnh	VHTC_W_76	Xử lý chức năng print hình ảnh	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
77.	Xử lý chức năng refresh hình ảnh	VHTC_W_77	Xử lý chức năng refresh hình ảnh	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
78.	Xử lý chức năng pause hình ảnh	VHTC_W_78	Xử lý chức năng pause hình ảnh	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
79.	Xây dựng UI chức năng điều khiển giá trị volumn của LiveStream	VHTC_W_79	Xây dựng UI chức năng điều khiển giá trị volumn của LiveStream	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
80.	Thêm mới API điều kiện giá trị volumn	VHTC_W_80	Thêm mới API điều kiện giá trị volumn	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
81.	Xây dựng UI chức năng thoại	VHTC_W_81	Xây dựng UI chức năng thoại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
82.	Thêm mới API cho phép truyền gửi dữ liệu file mã hóa đàm thoại	VHTC_W_82	Thêm mới API cho phép truyền gửi dữ liệu file mã hóa đàm thoại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
83.	Xử lý chức năng chuyển playback	VHTC_W_83	Xử lý chức năng chuyển playback	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
84.	Xây dựng Giao diện giải mã	VHTC_W_84	Xây dựng Giao diện giải mã	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
85.	Xây dựng API giải mã video khi mã hóa	VHTC_W_85	Xây dựng API giải mã video khi mã hóa	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
86.	Xây dựng Giao diện chế độ riêng tư	VHTC_W_86	Xây dựng Giao diện chế độ riêng tư	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
87.	Xây dựng API điều chỉnh chế độ riêng tư	VHTC_W_87	Xây dựng API điều chỉnh chế độ riêng tư	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
	Phát triển chức năng Playback				
88.	Xây dựng Giao diện tổng thể trang xem lại playback	VHTC_W_88	Xây dựng Giao diện tổng thể trang xem lại playback	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
89.	Xây dựng form tìm kiếm dữ liệu bao gồm select box chọn gate, select box chọn cam, date picker	VHTC_W_89	Xây dựng form tìm kiếm dữ liệu bao gồm select box chọn gate, select box chọn cam, date picker	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
90.	Xây dựng chức năng hiển thị ngày có dữ liệu trên popup chọn ngày	VHTC_W_90	Xây dựng chức năng hiển thị ngày có dữ liệu trên popup chọn ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
91.	Xây dựng Trình play Video load theo camera lựa chọn	VHTC_W_91	Xây dựng Trình play Video load theo camera lựa chọn, hỗ trợ dữ liệu lưu dưới các codec khác nhau gồm h264, h265.	- Đạt: Khi nhà thầu cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, cung cấp sản phẩm demo (Bản chạy ứng dụng demo; tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng demo; source code ứng dụng) chứng minh giải pháp đáp ứng tính năng; Nhà thầu tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu. - Không đạt: Khi nhà thầu không cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, hoặc giải pháp kỹ thuật không đúng; không cung cấp sản phẩm demo chứng minh giải pháp hoặc cung cấp không đầy đủ, hoặc sản phẩm không chạy được, hoặc không thể hiện đúng tính năng; Nhà thầu không tuyên bố hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu.	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
92.	Xử lý luồng chạy khi click btn speed up	VHTC_W_92	Xử lý luồng chạy khi click btn speed up	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
93.	Xử lý luồng chạy khi click btn speed down	VHTC_W_93	Xử lý luồng chạy khi click btn speed down	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
94.	Xử lý luồng chạy khi click btn play/stop, pause	VHTC_W_94	Xử lý luồng chạy khi click btn play/stop, pause	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
95.	Xử lý luồng chạy khi click btn mute	VHTC_W_95	Xử lý luồng chạy khi click btn mute	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
96.	Xử lý btn zoom in/out hình ảnh xem lại	VHTC_W_96	Xử lý btn zoom in/out hình ảnh xem lại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
97.	Xử lý khi scroll chuột trên video: zoom in/out tương ứng	VHTC_W_97	Xử lý khi scroll chuột trên video: zoom in/out tương ứng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
98.	Xử lý chức năng chụp ảnh	VHTC_W_98	Xử lý chức năng chụp ảnh	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
99.	Xử lý luồng chạy khi click btn previous chunk	VHTC_W_99	Xử lý luồng chạy khi click btn previous chunk	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
100.	Xử lý chức năng recording - Nghiên cứu tìm giải pháp, có thể phải thêm package để xử lý recording khi zoom in/out sẽ lưu video với kích thước tương ứng hay khi tua nhanh, chậm cũng theo tốc độ tua	VHTC_W_100	Xử lý chức năng recording - Nghiên cứu tìm giải pháp, có thể phải thêm package để xử lý recording khi zoom in/out sẽ lưu video với kích thước tương ứng hay khi tua nhanh, chậm cũng theo tốc độ tua	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
101.	Xử lý chức năng tracking trạng thái recording theo playback, pause, nextchunk	VHTC_W_101	Xử lý chức năng tracking trạng thái recording theo playback, pause, nextchunk	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
102.	Định dạng tên video record tải xuống theo đúng rule đưa ra	VHTC_W_102	Định dạng tên video record tải xuống theo đúng rule đưa ra	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
103.	Xử lý luồng chạy khi click btn next chunk	VHTC_W_103	Xử lý luồng chạy khi click btn next chunk	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
104.	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	VHTC_W_104	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
105.	Xử lý zoom in/out thanh timeline	VHTC_W_105	Xử lý zoom in/out thanh timeline Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng	- Đạt: Khi nhà thầu cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, cung cấp sản phẩm demo (Bản chạy ứng dụng demo; tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng ứng dụng demo; source code ứng dụng) chứng	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
			thống nhất với server.	minh giải pháp đáp ứng tính năng; Nhà thầu tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu. - Không đạt: Khi nhà thầu không cung cấp tài liệu báo cáo giải pháp kỹ thuật, hoặc giải pháp kỹ thuật không đúng; không cung cấp sản phẩm demo chứng minh giải pháp hoặc cung cấp không đầy đủ, hoặc sản phẩm không chạy được, hoặc không thể hiện đúng tính năng; Nhà thầu không tuyên bố hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đã nêu.	
106.	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	VHTC_W_106	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
107.	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	VHTC_W_107	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
108.	Xử lý thông tin list video trả về	VHTC_W_108	Xử lý thông tin list video trả về: thêm thời gian bắt đầu, kết thúc, khoảng thời gian - FE sẽ dùng để hiển thị khoảng thời gian có data trên thanh timeline	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
109.	Xây dựng API trả về các ngày có video data	VHTC_W_109	Xây dựng API trả về các ngày có video data	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
110.	Xây dựng API Trả về trạng thái kết nối server	VHTC_W_110	Xây dựng API Trả về trạng thái kết nối server	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
111.	Xây dựng API Trả về trạng thái nối file	VHTC_W_111	Xây dựng API Trả về trạng thái nối file	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
112.	Xây dựng API Trả về trạng thái lấy link video	VHTC_W_112	Xây dựng API Trả về trạng thái lấy link video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
113.	Xử lý tạo file download phục vụ trích xuất dữ liệu	VHTC_W_113	Xử lý tạo file download phục vụ trích xuất dữ liệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
114.	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed up	VHTC_W_114	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed up	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
115.	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed down	VHTC_W_115	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed down	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
116.	Xây dựng chức năng tạo thanh time line	VHTC_W_116	Xây dựng chức năng tạo thanh time line	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
117.	Xử lý kéo thanh time line khi đang play, chạy thanh timeline theo thời gian play, hiển thị	VHTC_W_117	Xử lý kéo thanh time line khi đang play, chạy thanh timeline theo thời gian play, hiển thị thời	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
	thời gian hiện tại trên thanh timeline		gian hiện tại trên thanh timeline		
118.	Xử lý chức năng click vào camera hiển thị timeline highlight phần có dữ liệu tương ứng của camera	VHTC_W_118	Xử lý chức năng click vào camera hiển thị timeline highlight phần có dữ liệu tương ứng của camera	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
119.	Xử lý chức năng zoom in thanh timeline	VHTC_W_119	Xử lý chức năng zoom in thanh timeline	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
120.	Xử lý chức năng zoom out thanh timeline	VHTC_W_120	Xử lý chức năng zoom out thanh timeline	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
121.	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	VHTC_W_121	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
122.	Xử lý chức năng hiển thị popup cho phép tải video.	VHTC_W_122	Xử lý chức năng hiển thị popup cho phép tải video. - Popup có form chọn thông tin download gồm chọn camera, ngày, giờ tải xuống video playback (dạng giờ từ - đến), button download	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
123.	Xử lý chức năng date picker chọn ngày giờ có hiển thị ngày có data thì bôi xanh List camera là danh sách cam của các gate đã chọn ở form search	VHTC_W_123	Xử lý chức năng date picker chọn ngày giờ có hiển thị ngày có data thì bôi xanh List camera là danh sách cam của các gate đã chọn ở form search	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
124.	Xử lý chức năng định dạng tên file download theo rule	VHTC_W_124	Xử lý chức năng định dạng tên file download theo rule	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
125.	Xử lý chức năng các loại định dạng video	VHTC_W_125	Xử lý chức năng các loại định dạng video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
126.	Xử lý chức năng popup hiển thị thông tin, dữ liệu của tiến trình download	VHTC_W_126	Xử lý chức năng popup hiển thị thông tin, dữ liệu của tiến trình download	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
127.	Xây dựng chức năng check và xử lý Các tiến trình download	VHTC_W_127	Xây dựng chức năng check và xử lý Các tiến trình download	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
128.	Xây dựng chức năng hiển thị progress chạy tiến trình theo phần trăm	VHTC_W_128	Xây dựng chức năng hiển thị progress chạy tiến trình theo phần trăm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
129.	Xây dựng chức năng FE sử dụng để hiển thị và check ngày có data trên date picker bôi	VHTC_W_129	Xây dựng chức năng FE sử dụng để hiển thị và check ngày có data trên date picker bôi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
	đỏ theo api.		theo api.		
130.	Xử lý chức năng kiểm tra các điều kiện thời gian bắt đầu và kết thúc khi người dùng và đưa ra thông báo tương ứng nếu chưa hợp lệ	VHTC_W_130	Xử lý chức năng kiểm tra các điều kiện thời gian bắt đầu và kết thúc khi người dùng và đưa ra thông báo tương ứng nếu chưa hợp lệ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
131.	Xử lý chức năng sửa lại thông tin trả về trong list video. Trong list video cần trả về thêm thời gian bắt đầu, kết thúc, khoảng thời gian	VHTC_W_131	Xử lý chức năng sửa lại thông tin trả về trong list video. Trong list video cần trả về thêm thời gian bắt đầu, kết thúc, khoảng thời gian	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
132.	Xử lý chức năng FE để hiển thị khoảng thời gian có data trên thanh timeline	VHTC_W_132	Xử lý chức năng FE để hiển thị khoảng thời gian có data trên thanh timeline	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
133.	Xây dựng API trả về các ngày có video trong tháng theo list camera đã chọn	VHTC_W_133	Xây dựng API trả về các ngày có video trong tháng theo list camera đã chọn	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
134.	Xử lý lấy list video theo camera và thời gian đã chọn	VHTC_W_134	Xử lý lấy list video theo camera và thời gian đã chọn	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
135.	Xây dựng chức năng nổi các video và trả về trạng thái nổi file	VHTC_W_135	Xây dựng chức năng nổi các video và trả về trạng thái nổi file	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
136.	Xây dựng chức năng trả về trạng thái lấy link video	VHTC_W_136	Xây dựng chức năng trả về trạng thái lấy link video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
137.	Xử lý download file đã tạo và upload lên S3	VHTC_W_137	Xử lý download file đã tạo và upload lên S3	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
138.	Xây dựng chức năng thêm route của Playback Multi Video vào các file config của super admin, phân hệ building	VHTC_W_138	Xây dựng chức năng thêm route của Playback Multi Video vào các file config của super admin, phân hệ building	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
139.	Xây dựng chức năng thêm data các route của Playback Multi Video vào Permission	VHTC_W_139	Xây dựng chức năng thêm data các route của Playback Multi Video vào Permission	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<i>Phát triển chức năng Quản lý sự kiện</i>				
140.	Xây dựng UI trang History Event theo mô tả, thiết kế UI	VHTC_W_140	Xây dựng UI trang History Event theo mô tả, thiết kế UI	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
141.	Xây dựng UI, chức năng thống kê số lượng Event	VHTC_W_141	Xây dựng UI, chức năng thống kê số lượng Event	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
142.	Thêm mới API xử lý thông kê số lượng Event theo type, loại đối tượng	VHTC_W_142	Thêm mới API xử lý thông kê số lượng Event theo type, loại đối tượng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
143.	Xây dựng UI Chart Pie thống kê tổng số lượng sự kiện	VHTC_W_143	Xây dựng UI Chart Pie thống kê tổng số lượng sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
144.	Xây dựng UI Chart thống kê Sự kiện dạng Line cột (Record/Stream)	VHTC_W_144	Xây dựng UI Chart thống kê Sự kiện dạng Line cột (Record/Stream)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
145.	Xử lý chức năng Popup biểu đồ, thống kê tính toán, tương tác với biểu đồ thống kê	VHTC_W_145	Xử lý chức năng Popup biểu đồ, thống kê tính toán, tương tác với biểu đồ thống kê	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
146.	Xây dựng API Fetch Event lại theo yêu cầu thông kê event	VHTC_W_146	Xây dựng API Fetch Event lại theo yêu cầu thông kê event	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
147.	Xây dựng API Download ảnh sự kiện xử lý tương ứng khi fetch dữ liệu	VHTC_W_147	Xây dựng API Download ảnh sự kiện xử lý tương ứng khi fetch dữ liệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
148.	Xử lý chức năng UI làm mới dữ liệu	VHTC_W_148	Xử lý chức năng UI làm mới dữ liệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
149.	Xử lý UI Modal export dữ liệu	VHTC_W_149	Xử lý UI Modal export dữ liệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
150.	Xử lý 4 api Export HistoryEvent theo form thiết kế Excel	VHTC_W_150	Xử lý 4 api Export HistoryEvent theo form thiết kế Excel	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
151.	Xây dựng UI panel thiết bị	VHTC_W_151	Xây dựng UI panel thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
152.	Xây dựng UI datepicker lọc thời gian	VHTC_W_152	Xây dựng UI datepicker lọc thời gian	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
153.	Xây dựng chức năng tìm kiếm sự kiện	VHTC_W_153	Xây dựng chức năng tìm kiếm sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
154.	Xây dựng UI ảnh event	VHTC_W_154	Xây dựng UI ảnh event	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
155.	Xây dựng UI xem chi tiết video event	VHTC_W_155	Xây dựng UI xem chi tiết video event	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
156.	Xây dựng API load danh sách thiết bị	VHTC_W_156	Xây dựng API load danh sách thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
157.	Xây dựng API lọc tìm kiếm sự kiện	VHTC_W_157	Xây dựng API lọc tìm kiếm sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
158.	Xây dựng API load ảnh dữ liệu	VHTC_W_158	Xây dựng API load ảnh dữ liệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
159.	Xây dựng API load danh sách chi tiết sự kiện	VHTC_W_159	Xây dựng API load danh sách chi tiết sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
160.	Xây dựng API load video sự kiện	VHTC_W_160	Xây dựng API load video sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
161.	Xây dựng chức năng xóa sự kiện	VHTC_W_161	Xây dựng chức năng xóa sự kiện	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
162.	Xây dựng chức năng phân trang	VHTC_W_162	Xây dựng chức năng phân trang	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
163.	Xây dựng chức năng multi select hỗ trợ xóa multi	VHTC_W_163	Xây dựng chức năng multi select hỗ trợ xóa multi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
164.	Xây dựng chức năng zoom hình ảnh, video	VHTC_W_164	Xây dựng chức năng zoom hình ảnh, video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
165.	Xây dựng chức năng tải video	VHTC_W_165	Xây dựng chức năng tải video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
166.	Xây dựng chức năng snapshot	VHTC_W_166	Xây dựng chức năng snapshot	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
167.	Xây dựng chức năng record video	VHTC_W_167	Xây dựng chức năng record video	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
168.	Xây dựng chức năng xem full screen	VHTC_W_168	Xây dựng chức năng xem full screen	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
169.	Xây dựng chức năng zoom kéo thả hình ảnh	VHTC_W_169	Xây dựng chức năng zoom kéo thả hình ảnh	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
170.	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ chức năng	VHTC_W_170	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ chức năng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
171.	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ thiết bị	VHTC_W_171	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
172.	Xây dựng chức năng reset	VHTC_W_172	Xây dựng chức năng reset	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
173.	Xây dựng chức năng lưu phiên, thiết bị sử dụng cuối	VHTC_W_173	Xây dựng chức năng lưu phiên, thiết bị sử dụng cuối	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<i>Phát triển chức năng cài đặt</i>				
174.	Xây dựng UI tổng quan cài đặt	VHTC_W_174	Xây dựng UI tổng quan cài đặt	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
175.	Xây dựng UI thông tin tài khoản	VHTC_W_175	Xây dựng UI thông tin tài khoản	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
176.	Xây dựng API load thông tin	VHTC_W_176	Xây dựng API load thông tin	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
177.	Xây dựng UI chức năng đổi mật khẩu	VHTC_W_177	Xây dựng UI chức năng đổi mật khẩu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
178.	Xây dựng Api đổi mật khẩu	VHTC_W_178	Xây dựng Api đổi mật khẩu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
179.	Xây dựng UI quản lý danh sách thiết bị login	VHTC_W_179	Xây dựng UI quản lý danh sách thiết bị login	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
180.	Xây dựng API load danh sách thiết bị login	VHTC_W_180	Xây dựng API load danh sách thiết bị login	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
181.	Xây dựng chức năng load thông tin chi tiết thiết bị login	VHTC_W_181	Xây dựng chức năng load thông tin chi tiết thiết bị login	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
182.	Xây dựng chức năng đăng xuất thiết bị	VHTC_W_182	Xây dựng chức năng đăng xuất thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
183.	Xây dựng chức năng xác định thiết bị đang đăng nhập	VHTC_W_183	Xây dựng chức năng xác định thiết bị đang đăng nhập	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
184.	Xây dựng chức năng sắp xếp các thiết bị login	VHTC_W_184	Xây dựng chức năng sắp xếp các thiết bị login	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
185.	Xây dựng chức năng đăng xuất tất cả thiết bị	VHTC_W_185	Xây dựng chức năng đăng xuất tất cả thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
186.	Xây dựng chức năng cập nhật thông tin tài khoản	VHTC_W_186	Xây dựng chức năng cập nhật thông tin tài khoản	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
187.	Xây dựng UI chức năng chính sách bảo mật	VHTC_W_187	Xây dựng UI chức năng chính sách bảo mật	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
188.	Xây dựng API đồng ý/rút lại chính sách	VHTC_W_188	Xây dựng API đồng ý/rút lại chính sách	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
189.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang login	VHTC_W_189	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang login	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
190.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang Liveview	VHTC_W_190	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang Liveview	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
191.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang playback	VHTC_W_191	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang playback	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
192.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang historyevent	VHTC_W_192	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang historyevent	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
193.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang device	VHTC_W_193	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang device	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
194.	Xây dựng UI thông tin phiên bản	VHTC_W_194	Xây dựng UI thông tin phiên bản	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
195.	Xây dựng API cập nhật thông tin phiên bản	VHTC_W_195	Xây dựng API cập nhật thông tin phiên bản	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
196.	Xây dựng chức năng tự động tạo version khi build	VHTC_W_196	Xây dựng chức năng tự động tạo version khi build	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
II	Giải pháp quản lý, hỗ trợ kinh doanh (OAM)				
(1)	Dịch vụ Homeservice				
197.	Xây dựng chức năng cấu hình hiển thị Smart Banner trên trang chủ: Vị trí, link đích, thời gian hiển thị..	VHTC_W_197	Xây dựng chức năng cấu hình hiển thị Smart Banner trên trang chủ: Vị trí, link đích, thời gian hiển thị..	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
198.	Xây dựng chức năng Cấu hình các section	VHTC_W_198	Xây dựng chức năng Cấu hình các section	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
199.	Xây dựng chức năng cấu hình quick access	VHTC_W_199	Xây dựng chức năng cấu hình quick access	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
200.	Xây dựng chức năng tạo chương trình Flash-sale	VHTC_W_200	Xây dựng chức năng tạo chương trình Flash-sale	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
201.	Xây dựng chức năng Chinh sửa chương trình Flash sale	VHTC_W_201	Xây dựng chức năng Chinh sửa chương trình Flash sale	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
202.	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái chương trình Flash sale	VHTC_W_202	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái chương trình Flash sale	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
203.	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Flash sale	VHTC_W_203	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Flash sale	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
204.	Xây dựng chức năng Tạo chương trình Khuyến mãi	VHTC_W_204	Xây dựng chức năng Tạo chương trình Khuyến mãi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
205.	Xây dựng chức năng Thay đổi trạng thái chương trình Khuyến mãi	VHTC_W_205	Xây dựng chức năng Thay đổi trạng thái chương trình Khuyến mãi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
206.	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Khuyến mãi	VHTC_W_206	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Khuyến mãi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
207.	Xây dựng chức năng tạo thông báo	VHTC_W_207	Xây dựng chức năng tạo thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
208.	Xây dựng chức năng Sửa, xóa dừng thông báo	VHTC_W_208	Xây dựng chức năng Sửa, xóa dừng thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
209.	Xây dựng chức năng Xem, lọc thông báo	VHTC_W_209	Xây dựng chức năng Xem, lọc thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
210.	Xây dựng chức năng Tạo tin tức	VHTC_W_210	Xây dựng chức năng Tạo tin tức	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
211.	Xây dựng chức năng Sửa, xóa tin tức	VHTC_W_211	Xây dựng chức năng Sửa, xóa tin tức	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
212.	Xây dựng chức năng Xem, lọc tin tức	VHTC_W_212	Xây dựng chức năng Xem, lọc tin tức	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
213.	Xây dựng chức năng Tạo ticket	VHTC_W_213	Xây dựng chức năng Tạo ticket	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
214.	Xây dựng chức năng sửa/ xóa/ thay đổi trạng thái ticket	VHTC_W_214	Xây dựng chức năng sửa/ xóa/ thay đổi trạng thái ticket	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
215.	Xây dựng chức năng xem, lọc ticket	VHTC_W_215	Xây dựng chức năng xem, lọc ticket	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
216.	Xây dựng chức năng thay đổi kích hoạt các hình thức thanh toán	VHTC_W_216	Xây dựng chức năng thay đổi kích hoạt các hình thức thanh toán	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
217.	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái kích hoạt các hình thức hỗ trợ	VHTC_W_217	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái kích hoạt các hình thức hỗ trợ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
218.	Xây dựng chức năng danh sách, lọc, tìm kiếm khách hàng	VHTC_W_218	Xây dựng chức năng danh sách, lọc, tìm kiếm khách hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
219.	Xây dựng chức năng tạo, sửa, xóa sản phẩm	VHTC_W_219	Xây dựng chức năng tạo, sửa, xóa sản phẩm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
220.	Xây dựng chức năng lọc, xem sản phẩm	VHTC_W_220	Xây dựng chức năng lọc, xem sản phẩm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
221.	Xây dựng chức năng tạo, hủy đơn hàng	VHTC_W_221	Xây dựng chức năng tạo, hủy đơn hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
222.	Xây dựng chức năng xem, lọc đơn hàng	VHTC_W_222	Xây dựng chức năng xem, lọc đơn hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
223.	Xây dựng chức năng xuất file excel đơn hàng	VHTC_W_223	Xây dựng chức năng xuất file excel đơn hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
224.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa dịch vụ	VHTC_W_224	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa dịch vụ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
225.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục dịch vụ	VHTC_W_225	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục dịch vụ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
226.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa Danh mục mẫu	VHTC_W_226	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa Danh mục mẫu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
227.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục mẫu	VHTC_W_227	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục mẫu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
228.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa mẫu	VHTC_W_228	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa mẫu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
229.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Mẫu	VHTC_W_229	Xây dựng chức năng Xem, lọc Mẫu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
230.	Xây dựng chức năng Xem, lọc, chi tiết Quản lý tư vấn	VHTC_W_230	Xây dựng chức năng Xem, lọc, chi tiết Quản lý tư vấn	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
231.	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết hợp đồng	VHTC_W_231	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết hợp đồng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
232.	Xây dựng chức năng Xuất file danh sách hợp đồng Hợp đồng	VHTC_W_232	Xây dựng chức năng Xuất file danh sách hợp đồng Hợp đồng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
233.	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết, xuất Phụ lục hợp đồng	VHTC_W_233	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết, xuất Phụ lục hợp đồng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
234.	Xây dựng chức năng xuất file danh sách phụ lục hợp đồng	VHTC_W_234	Xây dựng chức năng xuất file danh sách phụ lục hợp đồng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
235.	Xây dựng chức năng ước tính chi phí, tạo, sửa, xóa, hệ số chi phí	VHTC_W_235	Xây dựng chức năng ước tính chi phí, tạo, sửa, xóa, hệ số chi phí	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
236.	Xây dựng chức năng Ước tính chi phí: Xem, lọc	VHTC_W_236	Xây dựng chức năng Ước tính chi phí: Xem, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
237.	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Tạo, sửa, xóa homeservice	VHTC_W_237	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Tạo, sửa, xóa homeservice	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
238.	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_238	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Xem, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
239.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: tạo, sửa, xóa	VHTC_W_239	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: tạo, sửa, xóa	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
240.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_240	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xem, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
241.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xuất file excel đơn hàng	VHTC_W_241	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xuất file excel đơn hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
242.	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Tạo, xóa, sửa	VHTC_W_242	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Tạo, xóa, sửa	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
243.	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_243	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Xem, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
244.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_244	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ mobile app Crash	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
245.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_245	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
246.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_246	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
247.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_247	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
248.	Xây dựng chức năng Home Service: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_248	Xây dựng chức năng Home Service: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
249.	Xây dựng chức năng Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_249	Xây dựng chức năng Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
(2)	<b>Dịch vụ FTTH</b>				
250.	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thuê bao FTTH	VHTC_W_250	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thuê bao FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
251.	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thiết bị Modem/ Home wifi FTTH	VHTC_W_251	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thiết bị Modem/ Home wifi FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
252.	Xây dựng chức năng Xem/lọc Lịch sử thanh toán FTTH	VHTC_W_252	Xây dựng chức năng Xem/lọc Lịch sử thanh toán FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
253.	Xây dựng chức năng Xuất dữ liệu lịch sử thành toán FTTH ra excel	VHTC_W_253	Xây dựng chức năng Xuất dữ liệu lịch sử thành toán FTTH ra excel	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
254.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi khởi động lại	VHTC_W_254	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi khởi động lại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
255.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi mật khẩu	VHTC_W_255	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi mật khẩu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
256.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi cấu hình	VHTC_W_256	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi cấu hình	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
257.	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi thông tin	VHTC_W_257	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi thông tin	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
258.	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi địa chỉ lắp đặt	VHTC_W_258	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi địa chỉ lắp đặt	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
259.	Xây dựng chức năng Báo hỏng: thông tin chi tiết, trạng thái	VHTC_W_259	Xây dựng chức năng Báo hỏng: thông tin chi tiết, trạng thái	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
260.	Xây dựng chức năng Khiếu nại: thông tin chi tiết, trạng thái	VHTC_W_260	Xây dựng chức năng Khiếu nại: thông tin chi tiết, trạng thái	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
261.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: mua thêm băng thông	VHTC_W_261	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: mua thêm băng thông	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
262.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc lịch sử mua băng thông	VHTC_W_262	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc lịch sử mua băng thông	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
263.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi số điện thoại	VHTC_W_263	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi số điện thoại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
264.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi số điện thoại	VHTC_W_264	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi số điện thoại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
265.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi gói cước	VHTC_W_265	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi gói cước	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
266.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi gói cước	VHTC_W_266	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi gói cước	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
267.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đăng ký mới FTTH	VHTC_W_267	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đăng ký mới FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
268.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đăng ký mới FTTH	VHTC_W_268	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đăng ký mới FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
269.	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu đóng cước theo ngày	VHTC_W_269	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu đóng cước theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
270.	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu gạch nợ theo ngày	VHTC_W_270	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu gạch nợ theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
271.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát triển mới theo ngày	VHTC_W_271	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát triển mới theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
272.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo ngày	VHTC_W_272	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
273.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo tháng	VHTC_W_273	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo tháng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
274.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tạm ngưng theo ngày	VHTC_W_274	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tạm ngưng theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
275.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH khôi phục theo ngày	VHTC_W_275	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH khôi phục theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
276.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo ngày	VHTC_W_276	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
277.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo tháng	VHTC_W_277	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo tháng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
278.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thiết bị FTTH theo vendor	VHTC_W_278	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thiết bị FTTH theo vendor	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
279.	Xây dựng Biểu đồ báo hỏng thiết bị FTTH theo tháng	VHTC_W_279	Xây dựng Biểu đồ báo hỏng thiết bị FTTH theo tháng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
280.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_280	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ mobile app Crash	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
281.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_281	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
282.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_282	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
283.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_283	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
284.	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_284	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
285.	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_285	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(3)	<b>Dịch vụ Mysafe</b>				
286.	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin khách hàng Mysafe	VHTC_W_286	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin khách hàng Mysafe	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
287.	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe	VHTC_W_287	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
288.	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe xuất excel	VHTC_W_288	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe xuất excel	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
289.	Xây dựng chức năng Mysafe: Danh sách, lọc thiết bị truy cập mạng cố định	VHTC_W_289	Xây dựng chức năng Mysafe: Danh sách, lọc thiết bị truy cập mạng cố định	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
290.	Xây dựng chức năng Mysafe: Thay đổi thông tin thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_290	Xây dựng chức năng Mysafe: Thay đổi thông tin thiết bị đang truy cập mạng cố định	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
291.	Xây dựng chức năng Mysafe: ngắt quyền truy cập thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_291	Xây dựng chức năng Mysafe: ngắt quyền truy cập thiết bị đang truy cập mạng cố định	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
292.	Xây dựng chức năng Mysafe: gán/hủy gán thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_292	Xây dựng chức năng Mysafe: gán/hủy gán thiết bị đang truy cập mạng cố định	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
293.	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn: từng nhóm	VHTC_W_293	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn: từng nhóm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
294.	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn: toàn bộ nhóm	VHTC_W_294	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn: toàn bộ nhóm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
295.	Xây dựng chức năng Mysafe: cho phép Cho phép nhập URL website để nhập thủ công	VHTC_W_295	Xây dựng chức năng Mysafe: cho phép Cho phép nhập URL website để nhập thủ công	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
296.	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: học tập	VHTC_W_296	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: học tập	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
297.	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: giải trí	VHTC_W_297	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: giải trí	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
298.	Xây dựng chức năng Mysafe: sửa/xóa thông tin thành viên	VHTC_W_298	Xây dựng chức năng Mysafe: sửa/xóa thông tin thành viên	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
299.	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gắn thiết bị sử dụng mạng cố định	VHTC_W_299	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gắn thiết bị sử dụng mạng cố định	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
300.	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gắn thiết bị sử dụng mạng di động	VHTC_W_300	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gắn thiết bị sử dụng mạng di động	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
301.	Xây dựng chức năng Mysafe: danh sách, lọc cảnh báo của từng thiết bị	VHTC_W_301	Xây dựng chức năng Mysafe: danh sách, lọc cảnh báo của từng thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
302.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR01 tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_302	Xây dựng chức năng Mysafe: OR01 tỷ lệ mobile app Crash	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
303.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR02 tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_303	Xây dựng chức năng Mysafe: OR02 tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
304.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR03 tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_304	Xây dựng chức năng Mysafe: OR03 tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
305.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR04 tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_305	Xây dựng chức năng Mysafe: OR04 tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
306.	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_306	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
307.	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_307	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(4)	<b>Công cụ đối soát doanh thu</b>				
308.	Xây dựng chức năng quản lý bảng giá dịch vụ: danh sách, lọc	VHTC_W_308	Xây dựng chức năng quản lý bảng giá dịch vụ: danh sách, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
309.	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - thêm mới	VHTC_W_309	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - thêm mới	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
310.	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - import file excel	VHTC_W_310	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - import file excel	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
311.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: khách hàng/giao dịch/tổng doanh thu/chia sẻ	VHTC_W_311	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: khách hàng/giao dịch/tổng doanh thu/chia sẻ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
312.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: tăng trưởng cùng kỳ	VHTC_W_312	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: tăng trưởng cùng kỳ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
313.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ doanh thu theo ngày	VHTC_W_313	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ doanh thu theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
314.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ giao dịch theo ngày	VHTC_W_314	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ giao dịch theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
315.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ khách hàng theo ngày	VHTC_W_315	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đồ thị: biểu đồ khách hàng theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
316.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo bảng: danh sách, chi tiết, lọc	VHTC_W_316	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo bảng: danh sách, chi tiết, lọc	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(5)	Xây dựng chức năng công cụ Trung tâm hỗ trợ HSDS và câu hỏi thường gặp				

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
317.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Tạo mới - gồm câu hỏi (text) và câu trả lời (text)	VHTC_W_317	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Tạo mới - gồm câu hỏi (text) và câu trả lời (text)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
318.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Sửa, xóa	VHTC_W_318	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Sửa, xóa	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
319.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán tags cho câu hỏi	VHTC_W_319	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán tags cho câu hỏi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
320.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán mối quan hệ cho câu hỏi - nhóm câu hỏi - chủ đề	VHTC_W_320	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán mối quan hệ cho câu hỏi - nhóm câu hỏi - chủ đề	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
321.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Di chuyển sang vị trí khác hoặc nhóm câu hỏi/ chủ đề khác	VHTC_W_321	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Di chuyển sang vị trí khác hoặc nhóm câu hỏi/ chủ đề khác	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
322.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Danh sách, tìm kiếm theo tiêu đề	VHTC_W_322	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Danh sách, tìm kiếm theo tiêu đề	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
323.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Tạo mới	VHTC_W_323	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Tạo mới	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
324.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Sửa, xóa	VHTC_W_324	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Sửa, xóa	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
325.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: upload icon, danh sách, tìm kiếm	VHTC_W_325	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: upload icon, danh sách, tìm kiếm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
326.	Xây dựng chức năng Danh sách chủ đề/Tìm kiếm	VHTC_W_326	Xây dựng chức năng Danh sách chủ đề/Tìm kiếm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
327.	Xây dựng chức năng Danh sách nhóm câu hỏi/Tìm kiếm	VHTC_W_327	Xây dựng chức năng Danh sách nhóm câu hỏi/Tìm kiếm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
328.	Xây dựng chức năng Chi tiết câu hỏi	VHTC_W_328	Xây dựng chức năng Chi tiết câu hỏi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
329.	Xây dựng chức năng Tìm kiếm câu hỏi	VHTC_W_329	Xây dựng chức năng Tìm kiếm câu hỏi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
330.	Xây dựng chức năng Gán kết nối nhanh tới Chatbot AI	VHTC_W_330	Xây dựng chức năng Gán kết nối nhanh tới Chatbot AI	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
331.	Xây dựng chức năng gán kết nối nhanh tới kênh hỗ trợ	VHTC_W_331	Xây dựng chức năng gán kết nối nhanh tới kênh hỗ trợ	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
332.	Xây dựng chức năng gắn kết nổi nhanh tới Báo lỗi, báo hỏng	VHTC_W_332	Xây dựng chức năng gắn kết nổi nhanh tới Báo lỗi, báo hỏng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(6)	<b>Công cụ quảng cáo/thông báo Pushnoti</b>				
333.	Xây dựng chức năng Tạo, sửa nội dung gửi thông báo hệ thống, quảng cáo	VHTC_W_333	Xây dựng chức năng Tạo, sửa nội dung gửi thông báo hệ thống, quảng cáo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
334.	Xây dựng chức năng Thêm ký tự đặc biệt, ảnh gửi kèm trong thông báo	VHTC_W_334	Xây dựng chức năng Thêm ký tự đặc biệt, ảnh gửi kèm trong thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
335.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới toàn bộ thuê bao	VHTC_W_335	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới toàn bộ thuê bao	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
336.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới theo OS: android, ios	VHTC_W_336	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới theo OS: android, ios	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
337.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo theo version app	VHTC_W_337	Xây dựng chức năng Gửi thông báo theo version app	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
338.	Xây dựng chức năng gửi thông báo tới danh sách thuê bao đính kèm	VHTC_W_338	Xây dựng chức năng gửi thông báo tới danh sách thuê bao đính kèm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
339.	Xây dựng chức năng nhập danh sách thuê báo từ file excel	VHTC_W_339	Xây dựng chức năng nhập danh sách thuê báo từ file excel	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
340.	Xây dựng chức năng cấu hình danh sách điều hướng màn hình app	VHTC_W_340	Xây dựng chức năng cấu hình danh sách điều hướng màn hình app	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
341.	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin điều hướng tới màn hình app khi gửi thông báo	VHTC_W_341	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin điều hướng tới màn hình app khi gửi thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
342.	Điều hướng tới màn hình khi gửi cho toàn bộ thuê báo	VHTC_W_342	Điều hướng tới màn hình khi gửi cho toàn bộ thuê báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
343.	Danh sách, chi tiết lịch sử gửi thông báo	VHTC_W_343	Danh sách, chi tiết lịch sử gửi thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
344.	Tạo, sửa, xóa lịch gửi tự động thông báo	VHTC_W_344	Tạo, sửa, xóa lịch gửi tự động thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
345.	Lịch gửi thông báo tự động theo giờ, ngày đến ngày	VHTC_W_345	Lịch gửi thông báo tự động theo giờ, ngày đến ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
346.	Danh sách, chi tiết lịch gửi tự động thông báo	VHTC_W_346	Danh sách, chi tiết lịch gửi tự động thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
347.	Tạo, sửa, xóa nội dung webview cho gửi thông báo	VHTC_W_347	Tạo, sửa, xóa nội dung webview cho gửi thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
348.	Xây dựng chức năng gửi thông báo cho app	VHTC_W_348	Xây dựng chức năng gửi thông báo cho app	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
349.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo với nội dung webview cho thuê báo	VHTC_W_349	Xây dựng chức năng Gửi thông báo với nội dung webview cho thuê báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
350.	Xây dựng chức năng Thống kê dữ liệu account gửi theo từng thông báo	VHTC_W_350	Xây dựng chức năng Thống kê dữ liệu account gửi theo từng thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
351.	Xây dựng chức năng thống kê dữ liệu account có ít nhất một tương tác theo từng thông báo	VHTC_W_351	Xây dựng chức năng Thống kê dữ liệu account có ít nhất một tương tác theo từng thông báo	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
352.	Xây dựng chức năng hiển thị thống kê theo từng thông báo: số lượng accout, số lượng tương tác	VHTC_W_352	Xây dựng chức năng hiển thị thống kê theo từng thông báo: số lượng accout, số lượng tương t	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(7)	<b>Báo cáo kinh doanh/vận hành khai thác</b>				
353.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: cpu/ram/disk	VHTC_W_353	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: cpu/ram/disk	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
354.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: băng thông	VHTC_W_354	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: băng thông	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
355.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: disk I/O	VHTC_W_355	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: disk I/O	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
356.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh ngày trước	VHTC_W_356	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh ngày trước	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
357.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh trung bình tuần	VHTC_W_357	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh trung bình tuần	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
358.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query slow	VHTC_W_358	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query slow	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
359.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query tần suất lớn	VHTC_W_359	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query tần suất lớn	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
360.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh ngày trước	VHTC_W_360	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh ngày trước	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
361.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh trung bình tuần	VHTC_W_361	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh trung bình tuần	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
362.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng theo từng môi trường: staggging, product	VHTC_W_362	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng theo từng môi trường: staggging, product	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
363.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang báo cáo thống kê	VHTC_W_363	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang báo cáo thống kê	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
364.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thuê bao	VHTC_W_364	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thuê bao	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
365.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thiết bị Smarthome	VHTC_W_365	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thiết bị Smarthome	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
366.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý VHT IPC	VHTC_W_366	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý VHT IPC	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
367.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý vận hành khai thác	VHTC_W_367	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý vận hành khai thác	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
368.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm golang service	VHTC_W_368	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm golang service	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
369.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm java service	VHTC_W_369	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm java service	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
370.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API lỗi	VHTC_W_370	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API lỗi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
371.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm chậm	VHTC_W_371	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm chậm	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
372.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm lỗi	VHTC_W_372	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm lỗi	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
373.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày: tổng số kết nối	VHTC_W_373	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày: tổng số kết nối	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
374.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày: tổng số thuê bao Smarthome	VHTC_W_374	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày: tổng số thuê bao Smarthome	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
375.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao FTTH	VHTC_W_375	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao FTTH	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
376.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao Mysafe	VHTC_W_376	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao Mysafe	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
377.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao HomeService	VHTC_W_377	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao HomeService	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
378.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thiết bị lũy kế	VHTC_W_378	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thiết bị lũy kế	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
379.	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử	VHTC_W_379	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
380.	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử theo tuần	VHTC_W_380	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử theo tuần	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
381.	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Tỷ lệ trung bình số lượt xem lại lịch sử cloud	VHTC_W_381	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Tỷ lệ trung bình số lượt xem lại lịch sử cloud	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
382.	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Số khách hàng xem lại theo gói và ngày của gói	VHTC_W_382	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Số khách hàng xem lại theo gói và ngày của gói	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
(8)	<b>Công cụ CSKH/VHKT</b>				
383.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước VHT	VHTC_W_383	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước VHT	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
384.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước JF	VHTC_W_384	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước JF	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
385.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước Ezviz	VHTC_W_385	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước Ezviz	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
386.	Xây dựng chức năng tra cứu: bind thuê bao, thiết bị	VHTC_W_386	Xây dựng chức năng tra cứu: bind thuê bao, thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
387.	Xây dựng chức năng tra cứu: unbind thuê bao, thiết bị	VHTC_W_387	Xây dựng chức năng tra cứu: unbind thuê bao, thiết bị	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
388.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị VHT	VHTC_W_388	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị VHT	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
389.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị JF	VHTC_W_389	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị JF	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
390.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị Ezviz	VHTC_W_390	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị Ezviz	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
391.	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud trả sau	VHTC_W_391	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud trả sau	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
392.	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud iettelpay	VHTC_W_392	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud iettelpay	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
393.	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud trả sau	VHTC_W_393	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud trả sau	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
394.	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud viettelpay	VHTC_W_394	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud viettelpay	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
395.	Xây dựng chức năng tra cứu: log lịch sử thao tác/tác động người dùng	VHTC_W_395	Xây dựng chức năng tra cứu: log lịch sử thao tác/tác động người dùng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
396.	Xây dựng chức năng tra cứu: công cụ nhận OTP của khách hàng	VHTC_W_396	Xây dựng chức năng tra cứu: công cụ nhận OTP của khách hàng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
397.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: reboot không cần nhập pass	VHTC_W_397	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: reboot không cần nhập pass	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
398.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: trạng thái online, offline	VHTC_W_398	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: trạng thái online, offline	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
399.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC23 tương tự app	VHTC_W_399	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC23 tương tự app	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
400.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC33 tương tự app	VHTC_W_400	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC33 tương tự app	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
401.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách dropframe thiết bị theo ngày	VHTC_W_401	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách dropframe thiết bị theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
402.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách mất toàn bộ thiết bị theo ngày	VHTC_W_402	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách mất toàn bộ thiết bị theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
403.	Xây dựng chức năng thuê bao: bổ sung thông tin số giấy tờ (CCCD/CMT)	VHTC_W_403	Xây dựng chức năng thuê bao: bổ sung thông tin số giấy tờ (CCCD/CMT)	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
9	<b>Công cụ CNTT checklist, đánh giá trải nghiệm, đồng bộ dữ liệu</b>				

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
404.	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: bổ sung log ứng dụng theo 4137/QĐ-CNVTQĐ-CNTT	VHTC_W_404	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: bổ sung log ứng dụng theo 4137/QĐ-CNVTQĐ-CNTT	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
405.	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: xác thực 2 lớp thông qua SMS OTP gửi về điện thoại	VHTC_W_405	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: xác thực 2 lớp thông qua SMS OTP gửi về điện thoại	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
406.	Xây dựng trang quản lý token, ip whitelist của service	VHTC_W_406	Xây dựng trang quản lý token, ip whitelist của service	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
407.	Xây dựng chức năng log người dùng: login/logout/IP tác động	VHTC_W_407	Xây dựng chức năng log người dùng: login/logout/IP tác động	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<b>Công cụ Đánh giá trải nghiệm</b>				
408.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_408	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: số người, điểm, điểm trung bình	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
409.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_409	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
410.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: tỷ lệ lý do đánh giá kém	VHTC_W_410	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: tỷ lệ lý do đánh giá kém	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
411.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_411	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: danh sách đánh giá/khảo sát	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
412.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_412	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: số người, điểm, điểm trung bình	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
413.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_413	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
414.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người sẵn sàng giới thiệu	VHTC_W_414	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người sẵn sàng giới thiệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
415.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người cân nhắc giới thiệu	VHTC_W_415	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người cân nhắc giới thiệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
416.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người không sẵn sàng giới thiệu	VHTC_W_416	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người không sẵn sàng giới thiệu	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
417.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Danh sách khách hàng đánh giá/khảo sát	VHTC_W_417	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Danh sách khách hàng đánh giá/khảo sát	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
418.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_418	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
419.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_419	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
420.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_420	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
421.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_421	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
422.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_422	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

TT	Nội dung		Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí đánh giá	Loại chỉ tiêu
	Tên Chức năng	Mã yêu cầu			
423.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_423	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
	<b>Công cụ Đồng bộ dữ liệu kinh doanh ngày</b>				
424.	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày: ra dạng bảng	VHTC_W_424	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày: ra dạng bảng	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
425.	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày xuất ra file .csv	VHTC_W_425	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày xuất ra file .csv	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
426.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR lên S3	VHTC_W_426	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR lên S3	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
427.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR ngày lên ftp nội bộ/folder riêng của VTT	VHTC_W_427	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR ngày lên ftp nội bộ/folder riêng của VTT	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
428.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đặt lịch tự động gửi file CDR hàng ngày	VHTC_W_428	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đặt lịch tự động gửi file CDR hàng ngày	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B
429.	Xây dựng chức năng thủ tục kết nối nội bộ VHT- VTT	VHTC_W_429	Xây dựng chức năng thủ tục kết nối nội bộ VHT- VTT	- Đạt: Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. - Không đạt: Nhà thầu không có cam kết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc tuyên bố không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	CTC B

#### 4.2 Yêu cầu về kỹ thuật xây dựng phần mềm

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Chỉ tiêu kỹ thuật (2)
1	Ngôn ngữ lập trình web app	Front-end: ReactJS, HTML, CSS, Javascript Back-end: Java
2	Ngôn ngữ hệ thống	Song ngữ Anh – Việt
3	Mô hình triển khai	Mô hình Client – Server. Trong đó, Client dạng front-end là web app. Server dạng services thực hiện kết nối lấy dữ liệu, xử lý và truyền về cho client
4	Mã nguồn	Tuân thủ theo quy cách code mà bên mời thầu quy định và đáp ứng các test case mà bên mời thầu đưa ra trong thời gian thực hiện Hợp đồng. (Chi tiết xem bảng bên dưới)
6	Cơ sở dữ liệu	- Sử dụng PostGreSQL, MongoDB (free).
7	Trao đổi thông tin giữa các dịch vụ	Sử dụng: Rest APIs, Socket IO, gRPC, MQTT, Vert.x
8	Kỹ thuật phát triển phần mềm	Microservices
9	Container-orchestration system	Kubernetes

#### 4.3 Yêu cầu quy tắc lập trình, source code

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>	
1	Độ dài của lớp và hàm	- Độ dài của lớp: không nên quá 2000 dòng. Nếu quá 2000 dòng nên xem lại thiết kế có thể tách lớp hay không - Độ dài của hàm: không nên quá 100 dòng. Nếu quá 100 dòng nên tách thành các hàm nhỏ hơn để code không bị tối nghĩa và dễ theo dõi
2	Cài đặt xử lý ẩn trong hàm	Tránh việc cài đặt xử lý trong hàm vượt phạm vi ý nghĩa của tên hàm. Trong các trường hợp bắt buộc thì phải có comment bổ sung xử lý ẩn
3	Sử dụng tiếng Việt trong code	Không sử dụng tiếng Việt trong code. Tất cả comment, tên lớp, hàm, biến đều phải sử dụng tiếng Anh. Tiếng Việt chỉ được dùng cho text của UI
4	Đề tồn tại warning, todo trong code	Không để warning và todo trong code
<b>II</b>	<b>Yêu cầu đối với mã nguồn sử dụng ngôn ngữ lập trình java</b>	

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
		Không sử dụng "Double.longBitsToDouble" với tham số kiểu "int"
		Không sử dụng "Lock" trong khối "synchronized"
		Override hai phương thức "equals(Object obj)" và "hashCode()" cùng lúc
		Kiểm tra tham số đầu vào đối với phương thức "equals(Object obj)"
		Không để "return" trong các khối "finally"
		Trong khối synchronized trên một đối tượng không thực hiện gán giá trị khác cho đối tượng đó
		Không gọi phương thức "wait(...)", "notify()", "notifyAll()" trong Thread
		Kiểm tra giá trị Null
		Đóng tài nguyên sau khi sử dụng
		Điều kiện logic cần được đảm bảo để không truy cập đối tượng Null
		Cài đặt interface "Cloneables" cần phải override phương thức "clone"
		Nếu override phương thức "equals(Object obj)" hoặc "compareTo(T obj)" thì override cả hai phương thức
		Biến trong điều kiện dừng vòng for và biến thay đổi sau mỗi vòng lặp phải là cùng một biến
		Biến trong điều kiện dừng vòng for không nên bị thay đổi bên trong nội dung vòng for hoặc phụ thuộc kết quả trả về từ đoạn code khác
		Khai báo final với các biến "public static"
		Có từ khóa "case" trong mỗi khối của khai báo switch
		Không truyền một đối tượng Collection vào method của chính đối tượng đó
		Không throw exception trong Servlet
		Việc dọn rác chỉ thực hiện từ JVM
		Không so sánh bằng với dữ liệu kiểu Float
		Không truy cập đến các thuộc tính static từ phương thức của Instance
		Khởi tạo trường static đặt trong "synchronized"
		Giải phóng Lock
		Không khai báo "public static" với các trường có thể thay đổi

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
		Không sử dụng "Math.abs" đối với giá trị có thể là "MIN_VALUE"
		Không write các lớp non-serializable
		Loại bỏ các điều kiện kiểm tra không bao giờ xảy ra trong if/else.
		Không nên bỏ qua giá trị trả lại của hàm.
		Không dùng các toán tử không phải short-circuit trong các biểu thức điều kiện (condition)
		Kết thúc Switch cases bằng lệnh "break"
		Không gọi trực tiếp Thread.run() và Runnable.run()
		Không gọi Throwable.printStackTrace(...).
		Khi xử lý exception cần bảo lưu exception ban đầu
		Các biểu thức điều kiện không nên luôn luôn là "TRUE" hoặc "FALSE"
		Không khai báo biến static với đối tượng kiểu "Calendars" và "DateFormats"
		Không so sánh kiểu Class bằng Class Name
		Không sử dụng cùng một toán tử trên 2 vế của một biểu thức nhị phân
		Loại bỏ các "dead store"
		Khi kiểm tra điều kiện bằng với một biến String, chuỗi Strings nên được đặt ở bên trái của biểu thức so sánh equal
		Sử dụng ConcurrentHashMap thay cho HashMap
		Sử dụng pool khi gọi webservice
		Đảm bảo hiệu năng thao tác cập nhật dữ liệu lên redis sử dụng thư viện jedis
		Lưu ý khi sử dụng synchronized
II	Yêu cầu đối với mã nguồn sử dụng ngôn ngữ lập trình javascript, html	
1		Không dùng "NaN" trong phép toán so sánh
2		Sử dụng phép toán logic (short-circuit) để tránh lỗi truy cập vào vùng nhớ null trong các điều kiện so sánh
3		Không sử dụng toán tử "delete" với kiểu Array

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
4		Không thao tác dữ liệu với các biến "eval" và "arguments"
5		Biến tăng trong vòng "for" phải là biến trong điều kiện dừng vòng lặp
6		Kiểm soát khi truyền thông điệp qua văn bản
7		Xóa bỏ lệnh "debugger" trước khi triển khai
8		Không sử dụng các biểu thức hiển nhiên luôn đúng hoặc luôn sai
9		Không sử dụng trùng tên thuộc tính khi khai báo một đối tượng
10		Điều kiện trong các khối lệnh "if/else if" hoặc "switch...case" không trùng nhau
11		Sử dụng thuộc tính "length" để xác định các DOM elements
12		Không sử dụng biến "this" toàn cục
13		Tên các thuộc tính model không có dấu cách " "

#### 4.4 Yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>	
1	Bảo mật giao tiếp giữa máy chủ và ứng dụng	Các thông tin quan trọng khi truyền giữa ứng dụng và máy chủ (như quá trình đăng nhập, token, session...) phải được mã hóa.
2	Bảo mật xác thực người dùng	Chính sách mật khẩu mạnh: Với các ứng dụng và hệ thống có yêu cầu bảo mật cao, bắt buộc áp dụng chính sách mật khẩu mạnh (ít nhất 8 ký tự, bao gồm các ký tự chữ hoa, thường, số, ký tự đặc biệt)
		Việc quy định chính sách mật khẩu do từng dự án quyết định.
		Có cơ chế bảo vệ bằng Captcha hoặc hình thức tương đương khi đăng nhập sai quá số lần quy định. Thông tin phản hồi tới người dùng khi xác thực không thành công không được chỉ ra
		Chi tiết thông tin username hoặc mật khẩu bị sai, chỉ cần thông báo "Tên người dùng và/hoặc mật khẩu không hợp lệ" cho cả hai trường hợp.
		Với các nghiệp vụ quan trọng (nạp tiền, chuyển tiền, thanh toán) yêu cầu bổ sung một lớp xác thực bảo mật OTP (qua SMS, USSD, Google Authenticator) để đảm bảo an toàn cho người dùng
		Có cơ chế quản lý phiên đăng nhập:
		- Tất cả Session ID cần được mã hóa
		- Với các ứng dụng yêu cầu bảo mật cao, cần cài đặt thời gian Timeout cho các phiên đăng nhập
- Phiên đăng nhập bị vô hiệu hóa khi người dùng đăng xuất		

TT	Nội dung yêu cầu	
	Nội dung (1)	Yêu cầu kỹ thuật (2)
3	Bảo vệ tấn công vào chương trình	Kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu để tránh lỗ hổng SQL Injection và NoSQL Injection:
		Khi truy vấn cơ sở dữ liệu, lập trình viên thường sử dụng cộng xâu input từ người dùng. Bằng việc lợi dụng lỗi này, kẻ tấn công có thể xem, thêm, sửa, xóa dữ liệu, lấy cắp thông tin của người dùng.
		Yêu cầu: Khi truy vấn SQL, tất cả các tham số phải thêm bằng hàm (setParam...), không sử dụng cộng xâu khi truy vấn. Khi truy vấn NoSQL cần kiểm tra input để tránh các lỗi về NoSQL Injection.
		Ngăn chặn lỗi XSS: Khi sử dụng webview không thiết lập thuộc tính cho phép chạy Javascript nếu không cần sử dụng đến Javascript
		Ngăn chặn lỗi TapJacking giả mạo giao diện đánh lừa người dùng thực hiện một chức năng ẩn bên dưới giao diện đó.
		Ngăn chặn lỗi thao tác với file:
		- Tránh lỗi Path Traversal: Khi tên file không lọc ký tự đặc biệt dạng "../" thì sẽ xảy ra lỗi path traversal. Với các tên file do người dùng nhập vào thì cần lọc các ký tự đặc biệt để tránh lỗi path traversal
		- Tránh lỗi đường dẫn có chứa byte null: Kẻ tấn công có thể lợi dụng chèn byte null để đánh lừa chương trình về tên file. Cần kiểm tra tên file, lọc các byte null trước khi thao tác với file.
- Luôn kiểm tra mã trả về khi thao tác với file: Trong quá trình thao tác với file luôn kiểm tra mã trả về khi gọi các hàm, đảm bảo thao tác đúng với file cần thao tác, tránh việc xung đột và truy cập các file không được phép.		
Ngăn chặn tấn công từ chối dịch vụ biểu thức chính quy:		
Tấn công từ chối dịch vụ biểu thức chính quy (Regular expression Denial of Service) là một cuộc tấn công từ chối dịch vụ, khai thác việc sử dụng biểu thức chính quy rơi vào các trường hợp khiến chúng hoạt động rất chậm (liên quan theo cấp số nhân với kích thước đầu vào). Kẻ tấn công sau đó có thể khiến chương trình sử dụng Biểu thức chính quy bị treo trong một thời gian rất dài. Cần thực hiện kiểm tra các biểu thức chính quy trong chương trình để tránh gặp lỗi này.		
4	Quy định về Log và Debugger	Không được ghi log chứa các thông tin nhạy cảm của người dùng (thông tin đăng nhập, thông tin thẻ thanh toán...)
5	Bảo vệ mã nguồn	Mã nguồn của chương trình, trước khi triển khai cần được bảo vệ bằng các công cụ làm nhiễu mã nguồn để tránh việc dịch ngược ứng dụng. Việc lựa chọn phương thức và công cụ làm nhiễu mã nguồn tùy thuộc vào yêu cầu từng dự án.
II	<b>Yêu cầu rà soát ATTT bằng công cụ quét mã nguồn</b>	
1	Quét ATTT mã nguồn	Mã nguồn của chương trình đáp ứng các yêu cầu rà soát ATTT khi quét mã nguồn bằng công cụ rà soát ATTT đưa ra trong thời gian thực hiện Hợp đồng

#### 4.5 Yêu cầu về sản phẩm bàn giao

TT	Sản phẩm đầu ra/Tài liệu bàn giao	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tài liệu thiết kế chi tiết (SRS)	Quyển và file mềm USB	02
2	Tài liệu thiết kế CSDL	Quyển và file mềm USB	02
3	Tài liệu thiết kế giao tiếp, API	Quyển và file mềm USB	02
4	Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống	Quyển và file mềm USB	02
6	Tài liệu kịch bản kiểm thử phần mềm	Quyển và file mềm USB	02
7	Báo cáo kết quả kiểm thử	Quyển và file mềm USB	02
8	Mã nguồn mở phần mềm	File mềm USB	02
9	Bộ cài đặt phần mềm	File mềm USB	02

## 5. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

5.1. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát

5.2. Giải pháp và phương pháp luận chi tiết theo các yêu cầu tại “Mục 4.1- Yêu cầu chức năng nghiệp vụ”

5.2. Kế hoạch công tác.

## 6. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc đáp ứng các yêu cầu dưới đây:

6.1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ (nếu có): Không yêu cầu

### 6.2. Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật:

- Thời gian bảo hành: Toàn bộ sản phẩm của dịch vụ được bảo hành miễn phí tại địa điểm của Bên Mua trong vòng 12 tháng kể từ ngày hai bên ký “Biên bản nghiệm thu dịch vụ tổng thể”.

- Phạm vi bảo hành:

+ Hỗ trợ sửa lỗi phần mềm trong quá trình sử dụng, triển khai phần mềm.

- Thời gian phản hồi và khắc phục sự cố: tối đa 24h kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu bảo hành.

### 6.3. Yêu cầu về điều kiện thanh toán:

**Tạm ứng:** 30% giá Hợp đồng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng tương đương 30% giá Hợp đồng với điều kiện Hợp đồng đã được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo mẫu quy định trong Hợp đồng. Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách khấu trừ vào thanh toán đợt 1.

**Thanh toán:** 100% giá Hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng 30% giá Hợp đồng, tương đương bằng 70% giá Hợp đồng, được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ

ngày hai bên ký và đóng dấu “Biên bản nghiệm thu dịch vụ”, “Biên bản thanh lý Hợp đồng” với điều kiện Nhà thầu đã xuất trình cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng từ như quy định tại Phụ lục 3 của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá hợp đồng

## Mục 2. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

### Quy định về kiểm tra phần mềm bàn giao

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
<b>I</b>	<b>Web client</b>		<b>48.50</b>			
	Phát triển chức năng Quản lý tài khoản					
1.	Giao diện trang chính chào mừng, giới thiệu dịch vụ	VHTC_W_1	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
2.	Xây dựng UI màn hình form Login SMH cùng mã captcha	VHTC_W_2	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
3.	Xử lý chức năng login Form cùng mã captcha	VHTC_W_3	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
4.	Xây dựng API login Authentication	VHTC_W_4	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
5.	Xây dựng API yêu cầu lấy thông tin dữ liệu mã Captcha của Client	VHTC_W_5	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
6.	Xây dựng UI xử lý chức năng login xác thực OTP	VHTC_W_6	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
7.	Xây dựng API xác thực Login server IOT bằng mã OTP	VHTC_W_7	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
8.	Xây dựng UI Modal chức năng cho phép người dùng chuyển hướng tài ứng dụng	VHTC_W_8	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
9.	Xây dựng API yêu cầu phía server IOT gửi một mã OTP về user	VHTC_W_9	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
10.	Xây dựng xử lý phiên đăng nhập hệ thống	VHTC_W_10	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
11.	Xây dựng chức năng đổi ngôn ngữ	VHTC_W_11	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
12.	Xây dựng chức năng Đăng xuất	VHTC_W_12	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
13.	Xây dựng chức năng đổi mật khẩu	VHTC_W_13	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
14.	Xây dựng chức năng quên mật khẩu	VHTC_W_14	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<i>Phát triển chức năng Quản lý thiết bị</i>					

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
15.	Xây dựng chức năng màn hình chính Quản lý thiết bị	VHTC_W_15	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
16.	Màn hình Quản lý thiết bị Chức năng: Hiển thị list theo điều kiện tìm kiếm, phân trang	VHTC_W_16	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
17.	Xây dựng API lấy danh sách thiết bị	VHTC_W_17	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
18.	Xây dựng Panel hiển thị danh sách nhà, phòng	VHTC_W_18	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
19.	Xây dựng Màn hình xem chi tiết thông tin	VHTC_W_19	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
20.	Xây dựng Màn hình xóa thiết bị	VHTC_W_20	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
21.	Xây dựng Panel hiển thị danh sách camera	VHTC_W_21	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
22.	Xây dựng API lấy danh sách nhà	VHTC_W_22	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
23.	Xây dựng API lấy danh sách phòng	VHTC_W_23	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
24.	Xây dựng API xem chi tiết thông tin	VHTC_W_24	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
25.	Xây dựng API xóa thiết bị	VHTC_W_25	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
26.	Xây dựng Màn hình chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	VHTC_W_26	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
27.	Xây dựng API chỉnh sửa thông tin chi tiết thiết bị	VHTC_W_27	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
28.	Xây dựng Chức năng cấu hình các gói lưu trữ cho camera	VHTC_W_28	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
29.	Xây dựng Chức năng cấu hình các tính năng xử lý AI cho từng camera	VHTC_W_29	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
30.	Xây dựng Api lấy danh sách site, danh sách site hiển thị dưới dạng tree và được sắp xếp theo thứ tự A-Z	VHTC_W_30	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
31.	Xây dựng API tìm kiếm danh sách device theo các điều kiện tìm kiếm	VHTC_W_31	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
32.	Xây dựng ws (API) lấy tổng số device đang online (trên tổng số device theo kết quả tìm kiếm)	VHTC_W_32	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<i>Phát triển chức năng Liveview</i>					
33.	Xây dựng UI màn hình Liveview Layout grid	VHTC_W_33	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
34.	Nghiên cứu lib, xây dựng quản lý tổ chức lưới Grid theo yêu cầu	VHTC_W_34	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
35.	Xây dựng API lấy thông tin danh sách Layout view của CurrentUser	VHTC_W_35	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
36.	Xây dựng API Create Layout	VHTC_W_36	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
37.	Xây dựng API Edit, cập nhật layout	VHTC_W_37	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
38.	Xây dựng API Xóa Layout	VHTC_W_38	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
39.	Xây dựng API lấy thông tin phiên sử dụng danh sách Layout cuối	VHTC_W_39	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
40.	Xây dựng API Update Session phiên sử dụng Layout cuối	VHTC_W_40	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
41.	Xây dựng, xử lý UI Control Tab Layout	VHTC_W_41	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
42.	Xây dựng UI, chức năng Popup Rename, chức năng Option Rename Layout	VHTC_W_42	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
43.	Xử lý Option chức năng Thêm mới Layout	VHTC_W_43	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
44.	Xử lý Option chức năng Duplicate Layout	VHTC_W_44	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
45.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Save Layout As	VHTC_W_45	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
46.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Delete Layout	VHTC_W_46	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
47.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close	VHTC_W_47	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
48.	Xây dựng Xử lý Option chức năng Close All But This Layout	VHTC_W_48	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
49.	Xử lý chức năng kéo thả DragItem Layout	VHTC_W_49	0.41	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
50.	Xử lý chức năng Resize thay đổi kích thước Item Layout	VHTC_W_50	0.41	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
51.	Xử lý chức năng Xem Full Screen	VHTC_W_51	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
52.	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	VHTC_W_52	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
53.	Xây dựng UI PTZ kéo thả trên màn view camera	VHTC_W_53	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
54.	Xây dựng UI bảng điều khiển PTZ	VHTC_W_54	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
55.	Xử lý chức năng tích hợp Realtime LiveView thiết bị trên Item Layout	VHTC_W_55	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
56.	Xử lý chức năng chuyển Tab Layout	VHTC_W_56	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
57.	Xử lý chức năng Update phiên đăng nhập	VHTC_W_57	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
58.	Xử lý chức năng xử lý reLogin trang	VHTC_W_58	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
59.	Thêm mới API lấy danh sách thông tin User current Group	VHTC_W_59	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
60.	Thêm mới API xử lý chia sẻ layout cho người dùng trong hệ thống	VHTC_W_60	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
61.	Xây dựng UI, xử lý chức năng Popup chia sẻ Layout	VHTC_W_61	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
62.	Xây dựng UI Control tab Sidebar, danh sách Camera	VHTC_W_62	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
63.	Xử lý chức năng tìm kiếm chọn select thiết bị bằng bàn phím và con trỏ chuột	VHTC_W_63	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
64.	Xử lý chưa năng tích hợp kéo thiết bị vào Item Layout	VHTC_W_64	0.41	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
65.	Xây dựng UI Control tab Layouts, danh sách Layouts	VHTC_W_65	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
66.	Xây dựng xử lý chức năng Option Sidebar Tab Layouts	VHTC_W_66	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
67.	Xử lý chức năng chọn thiết bị và tương tác Remove thiết bị khỏi Layout	VHTC_W_67	0.41	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
68.	Xây dựng tab Control Events List RealTime	VHTC_W_68	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
69.	Xử lý chức năng realtime update sự kiện event của thiết bị đang live	VHTC_W_69	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
70.	Xây dựng UI camera Detail	VHTC_W_70	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
71.	Xử lý các button tương tác với thiết bị live	VHTC_W_71	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
72.	Xử lý chức năng fullscreen từng camera	VHTC_W_72	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
73.	Xử lý chức năng zoom tùy biến theo vị trí trên ô video player	VHTC_W_73	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
74.	Xử lý chức năng screenshot	VHTC_W_74	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
75.	Xử lý chức năng record video player	VHTC_W_75	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
76.	Xử lý chức năng print hình ảnh	VHTC_W_76	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
77.	Xử lý chức năng refresh hình ảnh	VHTC_W_77	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
78.	Xử lý chức năng pause hình ảnh	VHTC_W_78	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
79.	Xây dựng UI chức năng điều kiện giá trị volumn của LiveStream	VHTC_W_79	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
80.	Thêm mới API điều kiện giá trị volumn	VHTC_W_80	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
81.	Xây dựng UI chức năng thoại	VHTC_W_81	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
82.	Thêm mới API cho phép truyền gửi dữ liệu file mã hóa đàm thoại	VHTC_W_82	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
83.	Xử lý chức năng chuyển playback	VHTC_W_83	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
84.	Xây dựng Giao diện giải mã	VHTC_W_84	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
85.	Xây dựng API giải mã video khi mã hóa	VHTC_W_85	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
86.	Xây dựng Giao diện chế độ riêng tư	VHTC_W_86	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
87.	Xây dựng API điều chỉnh chế độ riêng tư	VHTC_W_87	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<i>Phát triển chức năng Playback</i>					
88.	Xây dựng Giao diện tổng thể trang xem lại playback	VHTC_W_88	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
89.	Xây dựng form tìm kiếm dữ liệu bao gồm select box chọn gate, select box chọn cam, date picker	VHTC_W_89	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
90.	Xây dựng chức năng hiển thị ngày có dữ liệu trên popup chọn ngày	VHTC_W_90	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
91.	Xây dựng Trình play Video load theo camera lựa chọn	VHTC_W_91	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
92.	Xử lý luồng chạy khi click btn speed up	VHTC_W_92	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
93.	Xử lý luồng chạy khi click btn speed down	VHTC_W_93	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
94.	Xử lý luồng chạy khi click btn play/stop, pause	VHTC_W_94	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
95.	Xử lý luồng chạy khi click btn mute	VHTC_W_95	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
96.	Xử lý btn zoom in/out hình ảnh xem lại	VHTC_W_96	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
97.	Xử lý khi scroll chuột trên video: zoom in/out tương ứng	VHTC_W_97	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
98.	Xử lý chức năng chụp ảnh	VHTC_W_98	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
99.	Xử lý luồng chạy khi click btn previous chunk	VHTC_W_99	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
100.	Xử lý chức năng recording - Nghiên cứu tìm giải pháp, có thể phải thêm package để xử lý recording khi zoom in/out sẽ lưu video với kích thước tương ứng hay khi tua nhanh, chậm cũng theo tốc độ tua	VHTC_W_100	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
101.	Xử lý chức năng tracking trạng thái recording theo playback, pause, nextchunk	VHTC_W_101	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
102.	Định dạng tên video record tải xuống theo đúng rule đưa ra	VHTC_W_102	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
103.	Xử lý luồng chạy khi click btn next chunk	VHTC_W_103	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
104.	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	VHTC_W_104	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
105.	Xử lý zoom in/out thanh timeline	VHTC_W_105	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
106.	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	VHTC_W_106	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
107.	Nghiên cứu cách xử lý việc render dữ liệu theo dạng thống nhất với server.	VHTC_W_107	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
108.	Xử lý thông tin list video trả về	VHTC_W_108	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
109.	Xây dựng API trả về các ngày có video data	VHTC_W_109	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
110.	Xây dựng API Trả về trạng thái kết nối server	VHTC_W_110	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
111.	Xây dựng API Trả về trạng thái nối file	VHTC_W_111	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
112.	Xây dựng API Trả về trạng thái lấy link video	VHTC_W_112	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
113.	Xử lý tạo file download phục vụ trích xuất dữ liệu	VHTC_W_113	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
114.	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed up	VHTC_W_114	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
115.	Xử lý luồng chạy khi click chức năng speed down	VHTC_W_115	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
116.	Xây dựng chức năng tạo thanh time line	VHTC_W_116	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
117.	Xử lý kéo thanh time line khi đang play, chạy thanh timeline theo thời gian play, hiển thị thời gian hiện tại trên thanh timeline	VHTC_W_117	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
118.	Xử lý chức năng click vào camera hiển thị timeline highlight phần có dữ liệu tương ứng của camera	VHTC_W_118	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
119.	Xử lý chức năng zoom in thanh timeline	VHTC_W_119	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
120.	Xử lý chức năng zoom out thanh timeline	VHTC_W_120	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
121.	Xử lý chia nhỏ từ server khi load dữ liệu 1 ngày (thành 12 đoạn)	VHTC_W_121	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
122.	Xử lý chức năng hiển thị popup cho phép tải video.	VHTC_W_122	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
123.	Xử lý chức năng date picker chọn ngày giờ có hiển thị ngày có data thì bôi xanh List camera là danh sách cam của các gate đã chọn ở form search	VHTC_W_123	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
124.	Xử lý chức năng định dạng tên file download theo rule	VHTC_W_124	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
125.	Xử lý chức năng các loại định dạng video	VHTC_W_125	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
126.	Xử lý chức năng popup hiển thị thông tin, dữ liệu của tiến trình download	VHTC_W_126	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
127.	Xây dựng chức năng check và xử lý Các tiến trình download	VHTC_W_127	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
128.	Xây dựng chức năng hiển thị progress chạy tiến trình theo phần trăm	VHTC_W_128	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
129.	Xây dựng chức năng FE sử dụng để hiển thị và check ngày có data trên date picker bôi đỏ theo api.	VHTC_W_129	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
130.	Xử lý chức năng kiểm tra các điều kiện thời gian bắt đầu và kết thúc khi người dùng và đưa ra thông báo tương ứng nếu chưa hợp lệ	VHTC_W_130	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
131.	Xử lý chức năng sửa lại thông tin trả về trong list video. Trong list video cần trả về thêm thời gian bắt đầu, kết thúc, khoảng thời gian	VHTC_W_131	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
132.	Xử lý chức năng FE để hiển thị khoảng thời gian có data trên thanh timeline	VHTC_W_132	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
133.	Xây dựng API trả về các ngày có video trong tháng theo list camera đã chọn	VHTC_W_133	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
134.	Xử lý lấy list video theo camera và thời gian đã chọn	VHTC_W_134	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
135.	Xây dựng chức năng nối các video và trả về trạng thái nối file	VHTC_W_135	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
136.	Xây dựng chức năng trả về trạng thái lấy link video	VHTC_W_136	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
137.	Xử lý download file đã tạo và upload lên S3	VHTC_W_137	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
138.	Xây dựng chức năng thêm route của Playback Multi Video vào các file config của super admin, phân hệ building	VHTC_W_138	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
139.	Xây dựng chức năng thêm data các route của Playback Multi Video vào Permission	VHTC_W_139	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<i>Phát triển chức năng Quản lý sự kiện</i>					
140.	Xây dựng UI trang History Event theo mô tả, thiết kế UI	VHTC_W_140	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
141.	Xây dựng UI, chức năng thống kê số lượng Event	VHTC_W_141	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
142.	Thêm mới API xử lý thông kê số lượng Event theo type, loại đối tượng	VHTC_W_142	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
143.	Xây dựng UI Chart Pie thống kê tổng số lượng sự kiện	VHTC_W_143	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
144.	Xây dựng UI Chart thống kê Sự kiện dạng Line cột (Record/Stream)	VHTC_W_144	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
145.	Xử lý chức năng Popup biểu đồ, thống kê tính toán, tương tác với biểu đồ thống kê	VHTC_W_145	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
146.	Xây dựng API Fetch Event lại theo yêu cầu thông kê event	VHTC_W_146	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
147.	Xây dựng API Download ảnh sự kiện xử lý tương ứng khi fetch dữ liệu	VHTC_W_147	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
148.	Xử lý chức năng UI làm mới dữ liệu	VHTC_W_148	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
149.	Xử lý UI Modal export dữ liệu	VHTC_W_149	0.15	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
150.	Xử lý 4 api Export HistoryEvent theo form thiết kế Excel	VHTC_W_150	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
151.	Xây dựng UI panel thiết bị	VHTC_W_151	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
152.	Xây dựng UI datepicker lọc thời gian	VHTC_W_152	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
153.	Xây dựng chức năng tìm kiếm sự kiện	VHTC_W_153	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
154.	Xây dựng UI ảnh event	VHTC_W_154	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
155.	Xây dựng UI xem chi tiết video event	VHTC_W_155	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
156.	Xây dựng API load danh sách thiết bị	VHTC_W_156	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
157.	Xây dựng API lọc tìm kiếm sự kiện	VHTC_W_157	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
158.	Xây dựng API load ảnh dữ liệu	VHTC_W_158	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
159.	Xây dựng API load danh sách chi tiết sự kiện	VHTC_W_159	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
160.	Xây dựng API load video sự kiện	VHTC_W_160	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
161.	Xây dựng chức năng xóa sự kiện	VHTC_W_161	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
162.	Xây dựng chức năng phân trang	VHTC_W_162	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
163.	Xây dựng chức năng multi select hỗ trợ xóa multi	VHTC_W_163	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
164.	Xây dựng chức năng zoom hình ảnh, video	VHTC_W_164	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
165.	Xây dựng chức năng tải video	VHTC_W_165	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
166.	Xây dựng chức năng snapshot	VHTC_W_166	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
167.	Xây dựng chức năng record video	VHTC_W_167	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
168.	Xây dựng chức năng xem full screen	VHTC_W_168	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
169.	Xây dựng chức năng zoom kéo thả hình ảnh	VHTC_W_169	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
170.	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ chức năng	VHTC_W_170	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
171.	Xử lý chức năng phân quyền chia sẻ thiết bị	VHTC_W_171	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
172.	Xây dựng chức năng reset	VHTC_W_172	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
173.	Xây dựng chức năng lưu phiên, thiết bị sử dụng cuối	VHTC_W_173	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<i>Phát triển chức năng cài đặt</i>					
174.	Xây dựng UI tổng quan cài đặt	VHTC_W_174	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
175.	Xây dựng UI thông tin tài khoản	VHTC_W_175	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
176.	Xây dựng API load thông tin	VHTC_W_176	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
177.	Xây dựng UI chức năng đổi mật khẩu	VHTC_W_177	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
178.	Xây dựng Api đổi mật khẩu	VHTC_W_178	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
179.	Xây dựng UI quản lý danh sách thiết bị login	VHTC_W_179	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
180.	Xây dựng API load danh sách thiết bị login	VHTC_W_180	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
181.	Xây dựng chức năng load thông tin chi tiết thiết bị login	VHTC_W_181	0.20	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
182.	Xây dựng chức năng đăng xuất thiết bị	VHTC_W_182	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
183.	Xây dựng chức năng xác định thiết bị đang đăng nhập	VHTC_W_183	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
184.	Xây dựng chức năng sắp xếp các thiết bị login	VHTC_W_184	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
185.	Xây dựng chức năng đăng xuất tất cả thiết bị	VHTC_W_185	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
186.	Xây dựng chức năng cập nhật thông tin tài khoản	VHTC_W_186	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
187.	Xây dựng UI chức năng chính sách bảo mật	VHTC_W_187	0.30	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
188.	Xây dựng API đồng ý/rút lại chính sách	VHTC_W_188	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
189.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang login	VHTC_W_189	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
190.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang Liveview	VHTC_W_190	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
191.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang playback	VHTC_W_191	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
192.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang historyevent	VHTC_W_192	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
193.	Xây dựng chức năng xử lý khi thu hồi chính sách với trang device	VHTC_W_193	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
194.	Xây dựng UI thông tin phiên bản	VHTC_W_194	0.22	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
195.	Xây dựng API cập nhật thông tin phiên bản	VHTC_W_195	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
196.	Xây dựng chức năng tự động tạo version khi build	VHTC_W_196	0.29	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
II	Giải pháp quản lý, hỗ trợ kinh doanh (OAM)		80.50			

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
(1)	Dịch vụ Homeservice		17.84			
197.	Xây dựng chức năng cấu hình hiển thị Smart Banner trên trang chủ: Vị trí, link đích, thời gian hiển thị..	VHTC_W_197	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
198.	Xây dựng chức năng Cấu hình các section	VHTC_W_198	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
199.	Xây dựng chức năng cấu hình quick access	VHTC_W_199	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
200.	Xây dựng chức năng tạo chương trình Flash-sale	VHTC_W_200	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
201.	Xây dựng chức năng Chỉnh sửa chương trình Flash sale	VHTC_W_201	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
202.	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái chương trình Flash sale	VHTC_W_202	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
203.	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Flash sale	VHTC_W_203	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
204.	Xây dựng chức năng Tạo chương trình Khuyến mãi	VHTC_W_204	0.16	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
205.	Xây dựng chức năng Thay đổi trạng thái chương trình Khuyến mãi	VHTC_W_205	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
206.	Xây dựng chức năng Xem, lọc danh sách Khuyến mãi	VHTC_W_206	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
207.	Xây dựng chức năng tạo thông báo	VHTC_W_207	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
208.	Xây dựng chức năng Sửa, xóa dừng thông báo	VHTC_W_208	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
209.	Xây dựng chức năng Xem, lọc thông báo	VHTC_W_209	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
210.	Xây dựng chức năng Tạo tin tức	VHTC_W_210	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
211.	Xây dựng chức năng Sửa, xóa tin tức	VHTC_W_211	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
212.	Xây dựng chức năng Xem, lọc tin tức	VHTC_W_212	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
213.	Xây dựng chức năng Tạo ticket	VHTC_W_213	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
214.	Xây dựng chức năng sửa/ xóa/ thay đổi trạng thái ticket	VHTC_W_214	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
215.	Xây dựng chức năng xem, lọc ticket	VHTC_W_215	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
216.	Xây dựng chức năng thay đổi kích hoạt các hình thức thanh toán	VHTC_W_216	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
217.	Xây dựng chức năng thay đổi trạng thái kích hoạt các hình thức hỗ trợ	VHTC_W_217	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
218.	Xây dựng chức năng danh sách, lọc, tìm kiếm khách hàng	VHTC_W_218	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
219.	Xây dựng chức năng tạo, sửa, xóa sản phẩm	VHTC_W_219	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
220.	Xây dựng chức năng lọc, xem sản phẩm	VHTC_W_220	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
221.	Xây dựng chức năng tạo, hủy đơn hàng	VHTC_W_221	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
222.	Xây dựng chức năng xem, lọc đơn hàng	VHTC_W_222	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
223.	Xây dựng chức năng xuất file excel đơn hàng	VHTC_W_223	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
224.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa dịch vụ	VHTC_W_224	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
225.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục dịch vụ	VHTC_W_225	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
226.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa Danh mục mẫu	VHTC_W_226	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
227.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Danh mục mẫu	VHTC_W_227	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
228.	Xây dựng chức năng Tạo, xóa, sửa mẫu	VHTC_W_228	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
229.	Xây dựng chức năng Xem, lọc Mẫu	VHTC_W_229	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
230.	Xây dựng chức năng Xem, lọc, chi tiết Quản lý tư vấn	VHTC_W_230	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
231.	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết hợp đồng	VHTC_W_231	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
232.	Xây dựng chức năng Xuất file danh sách hợp đồng Hợp đồng	VHTC_W_232	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
233.	Xây dựng chức năng xem, lọc, chi tiết, xuất Phụ lục hợp đồng	VHTC_W_233	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
234.	Xây dựng chức năng xuất file danh sách phụ lục hợp đồng	VHTC_W_234	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
235.	Xây dựng chức năng trích tính chi phí, tạo, sửa, xóa, hệ số chi phí	VHTC_W_235	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
236.	Xây dựng chức năng Ước tính chi phí: Xem, lọc	VHTC_W_236	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
237.	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Tạo, sửa, xóa homeservice	VHTC_W_237	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
238.	Xây dựng chức năng Quản lý dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_238	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
239.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: tạo, sửa, xóa	VHTC_W_239	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
240.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_240	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
241.	Xây dựng chức năng đơn hàng dịch vụ: Xuất file excel đơn hàng	VHTC_W_241	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
242.	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Tạo, xóa, sửa	VHTC_W_242	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
243.	Xây dựng chức năng Cấu hình dịch vụ: Xem, lọc	VHTC_W_243	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
244.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_244	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
245.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_245	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
246.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_246	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
247.	Xây dựng chức năng Home Service: tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_247	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
248.	Xây dựng chức năng Home Service: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_248	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
249.	Xây dựng chức năng Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_249	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(2)	<b>Dịch vụ FTTH</b>		12.10			
250.	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thuê bao FTTH	VHTC_W_250	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
251.	Xây dựng chức năng Bổ sung thông tin thiết bị Modem/ Home wifi FTTH	VHTC_W_251	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
252.	Xây dựng chức năng Xem/lọc Lịch sử thanh toán FTTH	VHTC_W_252	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
253.	Xây dựng chức năng Xuất dữ liệu lịch sử thành toán FTTH ra excel	VHTC_W_253	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
254.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi khởi động lại	VHTC_W_254	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
255.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi mật khẩu	VHTC_W_255	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
256.	Xây dựng chức năng Điều khiển Modem/ Home wifi thay đổi cấu hình	VHTC_W_256	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
257.	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi thông tin	VHTC_W_257	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
258.	Xây dựng chức năng Thông tin thuê báo: đổi địa chỉ lắp đặt	VHTC_W_258	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
259.	Xây dựng chức năng Bảo hồng: thông tin chi tiết, trạng thái	VHTC_W_259	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
260.	Xây dựng chức năng Khiếu nại: thông tin chi tiết, trạng thái	VHTC_W_260	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
261.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: mua thêm băng thông	VHTC_W_261	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
262.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc lịch sử mua băng thông	VHTC_W_262	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
263.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi số điện thoại	VHTC_W_263	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
264.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi số điện thoại	VHTC_W_264	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
265.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đổi gói cước	VHTC_W_265	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
266.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đổi gói cước	VHTC_W_266	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
267.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: đăng ký mới FTTH	VHTC_W_267	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
268.	Xây dựng chức năng Tiện ích sau bán: danh sách, lọc đăng ký mới FTTH	VHTC_W_268	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
269.	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu đóng cước theo ngày	VHTC_W_269	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
270.	Xây dựng chức năng Biểu đồ doanh thu gạch nợ theo ngày	VHTC_W_270	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
271.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát triển mới theo ngày	VHTC_W_271	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
272.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo ngày	VHTC_W_272	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
273.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tương tác theo tháng	VHTC_W_273	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
274.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH tạm ngưng theo ngày	VHTC_W_274	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
275.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH khôi phục theo ngày	VHTC_W_275	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
276.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo ngày	VHTC_W_276	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
277.	Xây dựng chức năng Biểu đồ thuê bao FTTH phát sinh giao dịch tiền theo tháng	VHTC_W_277	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
278.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thiết bị FTTH theo vendor	VHTC_W_278	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
279.	Xây dựng Biểu đồ báo hỏng thiết bị FTTH theo tháng	VHTC_W_279	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
280.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_280	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
281.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_281	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
282.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_282	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
283.	Xây dựng Biểu đồ tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_283	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
284.	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_284	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
285.	Xây dựng chức năng FTTH: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_285	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(3)	<b>Dịch vụ Mysafe</b>		7.89			
286.	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin khách hàng Mysafe	VHTC_W_286	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
287.	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe	VHTC_W_287	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
288.	Xây dựng chức năng xem/lọc Lịch sử thanh toán Mysafe xuất excel	VHTC_W_288	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
289.	Xây dựng chức năng Mysafe: Danh sách, lọc thiết bị truy cập mạng cố định	VHTC_W_289	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
290.	Xây dựng chức năng Mysafe: Thay đổi thông tin thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_290	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
291.	Xây dựng chức năng Mysafe: ngắt quyền truy cập thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_291	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
292.	Xây dựng chức năng Mysafe: gán/hủy gán thiết bị đang truy cập mạng cố định	VHTC_W_292	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
293.	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn: từng nhóm	VHTC_W_293	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
294.	Xây dựng chức năng Mysafe: Cho phép chặn theo nhóm có sẵn:toàn bộ nhóm	VHTC_W_294	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
295.	Xây dựng chức năng Mysafe: cho phép Cho phép nhập URL website để nhập thủ công	VHTC_W_295	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
296.	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: học tập	VHTC_W_296	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
297.	Xây dựng chức năng Mysafe: chặn lọc theo khung thời gian: giải trí	VHTC_W_297	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
298.	Xây dựng chức năng Mysafe: sửa/xóa thông tin thành viên	VHTC_W_298	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
299.	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gán thiết bị sử dụng mạng cố định	VHTC_W_299	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
300.	Xây dựng chức năng Mysafe: quản lý thành viên   gán thiết bị sử dụng mạng di động	VHTC_W_300	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
301.	Xây dựng chức năng Mysafe: danh sách, lọc cảnh báo của từng thiết bị	VHTC_W_301	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
302.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR01 tỷ lệ mobile app Crash	VHTC_W_302	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
303.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR02 tỷ lệ tải chứng năng Loadtime	VHTC_W_303	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
304.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR03 tỷ lệ thời gian xử lý giao dịch Latency	VHTC_W_304	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
305.	Xây dựng chức năng Mysafe: OR04 tỷ lệ khách hàng trải nghiệm tồi	VHTC_W_305	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
306.	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 sự kiện có trải nghiệm tồi	VHTC_W_306	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
307.	Xây dựng chức năng Mysafe: Top 20 khách hàng có trải nghiệm tồi	VHTC_W_307	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(4)	<b>Công cụ đối soát doanh thu</b>		3.32			
308.	Xây dựng chức năng quản lý bảng giá dịch vụ: danh sách, lọc	VHTC_W_308	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
309.	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - thêm mới	VHTC_W_309	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
310.	Xây dựng chức năng bảng giá dịch vụ - import file excel	VHTC_W_310	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
311.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đô thị: khách hàng/giao dịch/tổng doanh thu/chia sẻ	VHTC_W_311	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
312.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đô thị: tăng trưởng cùng kỳ	VHTC_W_312	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
313.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đô thị: biểu đồ doanh thu theo ngày	VHTC_W_313	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
314.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đô thị: biểu đồ giao dịch theo ngày	VHTC_W_314	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
315.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo đô thị: biểu đồ khách hàng theo ngày	VHTC_W_315	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
316.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu theo bảng: danh sách, chi tiết, lọc	VHTC_W_316	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(5)	Xây dựng chức năng công cụ Trung tâm hỗ trợ		5.91			

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
	HDSĐ và câu hỏi thường gặp					
317.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Tạo mới - gồm câu hỏi (text) và câu trả lời (text)	VHTC_W_317	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
318.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Sửa, xóa	VHTC_W_318	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
319.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán tags cho câu hỏi	VHTC_W_319	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
320.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Gán mối quan hệ cho câu hỏi - nhóm câu hỏi - chủ đề	VHTC_W_320	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
321.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Di chuyển sang vị trí khác hoặc nhóm câu hỏi/ chủ đề khác	VHTC_W_321	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
322.	Xây dựng chức năng quản lý bài viết: Danh sách, tìm kiếm theo tiêu đề	VHTC_W_322	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
323.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Tạo mới	VHTC_W_323	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
324.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: Sửa, xóa	VHTC_W_324	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
325.	Xây dựng chức năng quản lý danh mục: upload icon, danh sách, tìm kiếm	VHTC_W_325	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
326.	Xây dựng chức năng Danh sách chủ đề/Tìm kiếm	VHTC_W_326	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
327.	Xây dựng chức năng Danh sách nhóm câu hỏi/Tìm kiếm	VHTC_W_327	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
328.	Xây dựng chức năng Chi tiết câu hỏi	VHTC_W_328	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
329.	Xây dựng chức năng Tìm kiếm câu hỏi	VHTC_W_329	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
330.	Xây dựng chức năng Gán kết nối nhanh tới Chatbot AI	VHTC_W_330	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
331.	Xây dựng chức năng gán kết nối nhanh tới kênh hỗ trợ	VHTC_W_331	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
332.	Xây dựng chức năng gán kết nối nhanh tới Báo lỗi, báo hỏng	VHTC_W_332	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
(6)	<b>Công cụ quảng cáo/thông báo Pushnoti</b>		7.39			
333.	Xây dựng chức năng Tạo, sửa nội dung gửi thông báo hệ thống, quảng cáo	VHTC_W_333	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
334.	Xây dựng chức năng Thêm ký tự đặc biệt, ảnh gửi kèm trong thông báo	VHTC_W_334	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
335.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới toàn bộ thuê bao	VHTC_W_335	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
336.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo tới theo OS: android, ios	VHTC_W_336	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
337.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo theo version app	VHTC_W_337	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
338.	Xây dựng chức năng gửi thông báo tới danh sách thuê bao đính kèm	VHTC_W_338	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
339.	Xây dựng chức năng nhập danh sách thuê bao từ file excel	VHTC_W_339	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
340.	Xây dựng chức năng cấu hình danh sách điều hướng màn hình app	VHTC_W_340	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
341.	Xây dựng chức năng bổ sung thông tin điều hướng tới màn hình app khi gửi thông báo	VHTC_W_341	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
342.	Điều hướng tới màn hình khi gửi cho toàn bộ thuê báo	VHTC_W_342	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
343.	Danh sách, chi tiết lịch sử gửi thông báo	VHTC_W_343	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
344.	Tạo, sửa, xóa lịch gửi tự động thông báo	VHTC_W_344	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
345.	Lịch gửi thông báo tự động theo giờ, ngày đến ngày	VHTC_W_345	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
346.	Danh sách, chi tiết lịch gửi tự động thông báo	VHTC_W_346	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
347.	Tạo, sửa, xóa nội dung webview cho gửi thông báo	VHTC_W_347	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
348.	Xây dựng chức năng gửi thông báo cho app	VHTC_W_348	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
349.	Xây dựng chức năng Gửi thông báo với nội dung webview cho thuê báo	VHTC_W_349	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
350.	Xây dựng chức năng Thống kê dữ liệu account gửi theo từng thông báo	VHTC_W_350	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
351.	Xây dựng chức năng thống kê dữ liệu account có ít nhất một tương tác theo từng thông báo	VHTC_W_351	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
352.	Xây dựng chức năng hiển thị thông kê theo từng thông báo: số lượng account, số lượng tương tác	VHTC_W_352	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(7)	<b>Báo cáo kinh doanh/vận hành khai thác</b>		9.77			
353.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: cpu/ram/disk	VHTC_W_353	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
354.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: bảng thông	VHTC_W_354	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
355.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: disk I/O	VHTC_W_355	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
356.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh ngày trước	VHTC_W_356	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
357.	Xây dựng chức năng báo cáo hạ tầng product: so sánh trung bình tuần	VHTC_W_357	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
358.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query slow	VHTC_W_358	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
359.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: top query tần suất lớn	VHTC_W_359	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
360.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh ngày trước	VHTC_W_360	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
361.	Xây dựng chức năng báo cáo database product: so sánh trung bình tuần	VHTC_W_361	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
362.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng theo từng môi trường: staging, product	VHTC_W_362	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
363.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang báo cáo thống kê	VHTC_W_363	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
364.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thuê bao	VHTC_W_364	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
365.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý thiết bị Smarthome	VHTC_W_365	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
366.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý VHT IPC	VHTC_W_366	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
367.	Xây dựng chức năng RUM agent: thu thập trải nghiệm người dùng: trang quản lý trang vận hành khai thác	VHTC_W_367	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
368.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm golang service	VHTC_W_368	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
369.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API chậm java service	VHTC_W_369	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
370.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng môi trường product: top API lỗi	VHTC_W_370	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
371.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm chậm	VHTC_W_371	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
372.	Xây dựng chức năng báo cáo hiện trạng trải nghiệm người dùng app: top trải nghiệm lỗi	VHTC_W_372	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
373.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày: tổng số kết nối	VHTC_W_373	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
374.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao Smarthome	VHTC_W_374	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
375.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao FTTH	VHTC_W_375	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
376.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao Mysafe	VHTC_W_376	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
377.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thuê bao HomeService	VHTC_W_377	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
378.	Xây dựng chức năng báo cáo doanh thu ngày:tổng số thiết bị lũy kế	VHTC_W_378	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
379.	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử	VHTC_W_379	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
380.	Xây dựng chức năng báo cáo trackingcloud: Tỷ lệ Khách Hàng xem lại lịch sử theo tuần	VHTC_W_380	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
381.	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Tỷ lệ trung bình số lượt xem lại lịch sử cloud	VHTC_W_381	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
382.	Xây dựng chức năng báo cáo tracking cloud: Số khách hàng xem lại theo gói và ngày của gói	VHTC_W_382	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
(8)	<b>Công cụ CSKH/VHKT</b>		7.28			
383.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước VHT	VHTC_W_383	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
384.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước JF	VHTC_W_384	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
385.	Xây dựng chức năng tra cứu: danh sách thiết bị, gói cước Ezviz	VHTC_W_385	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
386.	Xây dựng chức năng tra cứu: bind thuê bao, thiết bị	VHTC_W_386	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
387.	Xây dựng chức năng tra cứu: unbind thuê bao, thiết bị	VHTC_W_387	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
388.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị VHT	VHTC_W_388	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
389.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị JF	VHTC_W_389	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
390.	Xây dựng chức năng tra cứu: xóa thuê bao, thiết bị Ezviz	VHTC_W_390	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
391.	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud trả sau	VHTC_W_391	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
392.	Xây dựng chức năng tra cứu: gỡ thiết bị, gói cloud iettelpay	VHTC_W_392	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
393.	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud trả sau	VHTC_W_393	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
394.	Xây dựng chức năng tra cứu: gán thiết bị, gói cloud viettelpay	VHTC_W_394	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
395.	Xây dựng chức năng tra cứu: log lịch sử thao tác/tác động người dùng	VHTC_W_395	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
396.	Xây dựng chức năng tra cứu: công cụ nhận OTP của khách hàng	VHTC_W_396	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
397.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: reboot không cần nhập pass	VHTC_W_397	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
398.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: trạng thái online, offline	VHTC_W_398	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
399.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC23 tương tự app	VHTC_W_399	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
400.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: Thông tin cấu hình cam HC33 tương tự app	VHTC_W_400	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
401.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách dropframe thiết bị theo ngày	VHTC_W_401	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
402.	Xây dựng chức năng với thiết bị JF: danh sách mất toàn bộ thiết bị theo ngày	VHTC_W_402	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
403.	Xây dựng chức năng thuê bao: bổ sung thông tin số giấy tờ (CCCD/CMT)	VHTC_W_403	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
9	<b>Công cụ CNTT checklist, đánh giá trải nghiệm, đồng bộ dữ liệu</b>		9.01			
404.	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: bổ sung log ứng dụng theo 4137/QĐ-CNVTQĐ-CNTT	VHTC_W_404	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
405.	Xây dựng chức năng ghi log theo CNTT 5092: xác thực 2 lớp thông qua SMS OTP gửi về điện thoại	VHTC_W_405	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
406.	Xây dựng trang quản lý token, ip whitelist của service	VHTC_W_406	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
407.	Xây dựng chức năng log người dùng: login/logout/IP tác động	VHTC_W_407	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<b>Công cụ Đánh giá trải nghiệm</b>		-	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
408.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_408	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
409.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_409	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
410.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: tỷ lệ lý do đánh giá kém	VHTC_W_410	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
411.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát CSAT: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_411	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
412.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_412	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
413.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_413	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
414.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người sẵn sàng giới thiệu	VHTC_W_414	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
415.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người cần nhắc giới thiệu	VHTC_W_415	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
416.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Tỷ lệ người không sẵn sàng giới thiệu	VHTC_W_416	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
417.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát NPS: Danh sách khách hàng đánh giá/khảo sát	VHTC_W_417	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
418.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_418	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
419.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_419	0.25	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
420.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá thêm thiết bị lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_420	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
421.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: số người, điểm, điểm trung bình	VHTC_W_421	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
422.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ điểm theo ngày	VHTC_W_422	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
423.	Xây dựng chức năng xử lý biểu đồ khảo sát đánh giá đăng ký Cloud lần đầu: danh sách đánh giá/khảo sát	VHTC_W_423	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	<b>Công cụ Đồng bộ dữ liệu kinh doanh ngày</b>		-			
424.	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày: ra dạng bảng	VHTC_W_424	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case

STT	Tên Chức năng	Mã yêu cầu	Nỗ lực Man month (MM)	Kết quả đầu ra mong muốn	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí đánh giá
425.	Xây dựng chức năng xử lý báo cáo dữ liệu kinh doanh ngày xuất ra file .csv	VHTC_W_425	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
426.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR lên S3	VHTC_W_426	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
427.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đẩy file CDR ngày lên ftp nội bộ/folder riêng của VTT	VHTC_W_427	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
428.	Xây dựng chức năng đồng bộ lake: Đặt lịch tự động gửi file CDR hàng ngày	VHTC_W_428	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
429.	Xây dựng chức năng thủ tục kết nối nội bộ VHT-VTT	VHTC_W_429	0.37	Chức năng hoạt động theo đúng yêu cầu	Kiểm tra tính năng theo bộ Test case và yêu cầu đạt 100% các Test case	<b>Đạt:</b> khi chức năng đạt 100% test case <b>Không đạt:</b> khi chức năng đạt < 100% test case
	Tổng cộng		129			

### Quy định về nghiệm thu dịch vụ

TT	Mã yêu cầu	Tên Chức năng	Mô tả chức năng	Phương pháp kiểm tra	Tiêu chí nghiệm thu
1	Từ yêu cầu VHTC_W_1 tới VHTC_W-225	Xây dựng ứng hệ thống Web CMS	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phát triển tính năng dashboard hệ thống</li> <li>+ Phát triển tính năng quản lý user và phân quyền</li> <li>+ Phát triển tính năng quản lý thiết bị</li> <li>+ Phát triển tính năng cảnh báo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tài liệu bàn giao: theo Yêu cầu về sản phẩm bàn giao</li> <li>- Đánh giá chất lượng chương trình bàn giao</li> <li>- Nghiệm thu source code bằng review thủ công (hoặc phần mềm SonarQube, Checkmax), đảm bảo source code tuân thủ quy chuẩn lập trình của Bên mời thầu, Kiểm tra lỗi liên quan đến</li> </ul>	<p>1.Đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn giao đầy đủ các tài liệu theo Yêu cầu về sản phẩm bàn giao.</li> <li>- Kiểm tra nội dung chi tiết các tài liệu: kiểm tra các thông tin đầy đủ, đúng so với Yêu cầu kỹ thuật, và đúng so với mã nguồn chương trình.</li> <li>- Kết quả kiểm thử: 100% pass, không có case fail/ pending.</li> <li>+ KBKT phải bao gồm kịch bản trong các điều kiện bất thường (nếu có): lỗi phần mềm, đầu vào</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"><li>+ Phát triển tính năng quản lý các counter</li><li>+ Phát triển tính năng quản lý log</li><li>+ Phát triển tính năng quản lý dữ liệu</li></ul>	ATTT (quét theo tool SonarQube hoặc Checkmarx)	<p>người dùng không hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đánh giá chất lượng chương trình bàn giao: các test case nghiệm thu đều pass 100%</li><li>- Đánh giá chất lượng source code: tuân thủ quy chuẩn lập trình của Bên mời thầu, không có lỗi liên quan tới ATTT (quét theo tool SonarQube hoặc Checkmarx).</li><li>- Bàn giao đúng mốc thời gian yêu cầu tại PLI.</li></ul> <p>2. Không đạt:</p> <p>Không bàn giao đủ tài liệu theo yêu cầu; hoặc nội dung tài liệu không đảm bảo yêu cầu, thiếu hoặc sai lệch so với Yêu cầu kỹ thuật, hoặc so với mã nguồn chương trình đang lập trình, thiết kế; hoặc kết quả kiểm thử không pass 100% các test case; hoặc không tuân theo quy chuẩn lập trình của Bên mời thầu; hoặc có lỗi liên quan đến ATTT (quét theo tool SonarQube hoặc Checkmarx).</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bàn giao không đúng mốc thời gian yêu cầu tại PLI.</li></ul>
--	--	--	--	--	--

**CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU, DỰ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG**

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp dịch vụ (Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá)	Biểu mẫu đính kèm	X	
2	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
3	Mẫu số 02A.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là tổ chức)			X
4	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 02B.1. Bản cam kết tính hợp lệ (áp dụng với Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
6	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
7	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
8	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm		X
9	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
10	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Biểu mẫu đính kèm		X
11	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
12	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
14	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
15	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
16	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
17	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
18	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện			X
19	Mẫu số 10B. Đề xuất về dịch vụ của nhà thầu			X
20	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
21	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của dịch vụ (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
22	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của dịch vụ (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
23	Mẫu số 12.1C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
24	Mẫu số 13: Thư chấp thuận E-HSĐT và trao Hợp đồng		X	
25	Mẫu số 14: Ủy quyền			X
26	Mẫu số 15: Mẫu hợp đồng		X	

**PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
*(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá)*

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả dịch vụ	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
I	<b>Web client</b>	<b>Man-month</b>	<b>48.5</b>	Chi tiết Chỉ tiêu kỹ thuật tại E- <b>HSMT</b>	tại Hà Nội	Trong vòng 285 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
II	<b>Giải pháp quản lý, hỗ trợ kinh doanh (OAM)</b>	<b>Man-month</b>	<b>80.5</b>	Chi tiết Chỉ tiêu kỹ thuật tại E- <b>HSMT</b>	tại Hà Nội	Trong vòng 285 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
1	<i>Dịch vụ Homeservice</i>	<i>Man-month</i>	<i>17.84</i>			
2	<i>Dịch vụ FTTH</i>	<i>Man-month</i>	<i>12.10</i>			
3	<i>Dịch vụ Mysafe</i>	<i>Man-month</i>	<i>7.89</i>			
4	<i>Công cụ đối soát doanh thu</i>	<i>Man-month</i>	<i>3.32</i>			
5	<i>Công cụ Trung tâm hỗ trợ hướng dẫn sử dụng và câu hỏi thường gặp</i>	<i>Man-month</i>	<i>5.91</i>			
6	<i>Công cụ quảng cáo/thông báo Pushnoti</i>	<i>Man-month</i>	<i>7.39</i>			
7	<i>Báo cáo kinh doanh/vận hành khai thác</i>	<i>Man-month</i>	<i>9.77</i>			
8	<i>Công cụ chăm sóc khách hàng và vận hành khai thác</i>	<i>Man-month</i>	<i>7.28</i>			

9	<i>Công cụ công nghệ thông tin checklist, đánh giá trải nghiệm, đồng bộ dữ liệu</i>	<i>Man-month</i>	<i>9.01</i>					
---	---	------------------	-------------	--	--	--	--	--

027117\_Pham Ha Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025

027117\_Pham Ha Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin]

Tên gói thầu: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin]

Kính gửi: Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin], Mã số thuế: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin] số E-TBMT: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_ [Nhà thầu điền] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ [Nhà thầu điền thông tin] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: \_\_\_ [Nhà thầu điền thời gian hiệu lực của E-HSMT phù hợp với quy định tại Mục 17.1 E-CDNT]

Bảo đảm dự thầu\*: \_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CNDT]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_ [ghi thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu phù hợp với quy định tại Mục 18.2 E-CDNT].

\* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

## BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là tổ chức)

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_, Mã số thuế: \_\_\_\_ cam kết:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Đối với hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; Đối với hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn.
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT khác khi tham dự gói thầu này;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
10. Nếu E-HSMT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;
11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng<sup>(2)</sup>.

**Ghi chú:**

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)*

Ngày: \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [Đối với nhà thầu là cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân, Hệ thống tự động trích xuất tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: \_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất]

Bảo đảm dự thầu\*: \_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

\* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

## BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ

(Kèm theo đơn dự thầu đối với Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: [*Nhà thầu điền tên gói thầu*].

Kính gửi: Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_, Mã số thuế: \_\_\_\_ cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
2. Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;
3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự<sup>(1)</sup>;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT khác khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;
8. Trường hợp trúng thầu, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
10. Nếu E-HSMT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT của E-HSMT;
11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng<sup>(2)</sup>.

### Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu, bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công

khai tên chúng tôi trên Hệ thống, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”

## VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: \_\_\_ [ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

### Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

### Thành viên thứ hai:

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

### Thành viên thứ n:

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

### Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] do \_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thông nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] như sau:

Phân công \_\_\_\_ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.

[ - Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

## **Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận**

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhóm cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN** [ký, ghi rõ họ tên]

**CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN** [ký, ghi rõ họ tên]

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc Dự án/khoản đầu tư: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: \_\_\_\_  
[*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành

viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thông nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

### **1. Thành viên đứng đầu liên danh:**

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*  
[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia và ký các văn bản quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(4)</sup>:

<b>STT</b>	<b>Tên các thành viên trong liên danh</b>	<b>Nội dung công việc đảm nhận</b>	<b>Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu</b>
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh ( <i>Hệ thống tự động trích xuất</i> )	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
....	....	....	.....
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH**

[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu rút E-HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi

chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CNDT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-CDNT.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):** Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội (Đơn vị Đại diện Chủ Đầu tư)

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] theo Thư mời thầu/ E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT hoặc có hành vi khác dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 44 của Quy chế LCNT;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
6. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy

định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo lãnh dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-CDNT.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

027117\_Phạm Hà Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

027117\_Phạm Hà Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

027117\_Phạm Hà Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng <sup>(3)</sup>	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên Dự án/khoản đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Dự án/khoản đầu tư có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II<sup>(2)</sup></b>			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
2. Chung loại, lĩnh vực dịch vụ	[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]		
3. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện <sup>(3)</sup>	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
4. Về quy mô thực hiện	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
5. Các đặc tính khác	[ghi các thông tin khác (nếu có)]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu

này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.
- (3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

## KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): \_\_\_\_\_ [Điền số lượng nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

## BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại, nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2		
...		

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
St t	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	V ị tr í	Ngà y, thán g, năm sinh	Chứng chỉ/Trì nh độ chuyên môn	Tên ngư ời sử dụng giao động	Địa chỉ của ngư ời sử dụng giao động	Chức danh	Số năm làm việc cho ngư ời sử dụng giao động g hiện tại	Người liên lạc (trườ ng phòn g/ cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoạ i/ Fax/ Ema il
1	[ghi tên nhâ n sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhâ n sự chủ chốt 2]										

...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN<sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

<b>Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II</b>			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
<b>Năm</b>	<b>Phần việc hợp đồng không hoàn thành</b>	<b>Mô tả hợp đồng</b>	<b>Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)</b>
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Tổng tài sản</b>			
<b>Tổng nợ</b>			
<b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
  - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
  - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
  - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
  - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
  - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
  - Các tài liệu khác.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**  
(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
-----	--	--	---	---------

1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIÊN ĐỘ CUNG CẤP<sup>(\*)</sup>**

Nhà thầu đề xuất tiên độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả dịch vụ	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C.

Cột (8): Nhà thầu điền

(\*) Dịch vụ phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành dịch vụ sớm hơn ngày hoàn thành dịch vụ sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành dịch vụ muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

**ĐỀ XUẤT VỀ DỊCH VỤ CỦA NHÀ THẦU**

STT	Danh mục dịch vụ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Dịch vụ thứ 1								
2	Dịch vụ thứ 2								
...									
n	Dịch vụ thứ n								

**Ghi chú:**

- Cột (1), (2), (9), (10): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 01A hoặc 01B hoặc 01C.

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8); (10): Nhà thầu tự điền. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hóa chào thầu. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ để có thể xác định cụ thể thông tin hàng hóa chào thầu.

- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được kết chuyển sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B)

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

### I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của dịch vụ	(M) [Kết chuyển từ Mẫu 12.1A]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Kết chuyển từ Mẫu 13A]
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M) + (I)

### II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của dịch vụ	(M) [Kết chuyển từ Mẫu 12.1B]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Kết chuyển từ Mẫu 13A]
3	Chi phí dự phòng	(C) = a% x ((M) + (I))
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M) + (I) + (C)

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA DỊCH VỤ**  
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục dịch vụ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)x(11)
	Dịch vụ thứ 1						-				M1
	....						-				
	Dịch vụ thứ n						-				Mn
<b>Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>											<b>(M)</b>

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 10B.

(12): Nhà thầu điền;

(13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA DỊCH VỤ**  
(áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)x(11)
	Dịch vụ thứ 1										M1
	....										
	Dịch vụ thứ n										Mn
<b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>											<b>(M)</b>

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Nhà thầu điền tương ứng với Mẫu số 10B.

(11): Nhà thầu điền;

(12): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [điền tên Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [điền tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [điền tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [điền tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì điền tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [điền giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [điền thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Chương IV của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [ghi số tiền tương ứng và thời gian hiệu lực].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

## GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc Dự án/khoản đầu tư \_\_\_\_ [ghi tên Dự án/khoản đầu tư] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng ....]<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

### Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

### Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]

### Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng,... và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**MẪU HỢP ĐỒNG**  
**(THEO PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)**

027117\_Pham Ha Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

027117\_Pham Ha Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57

027117\_Pham Ha Chung\_14:45 26/12/2025  
Tong Giam doc Nguyen Minh Quang da ky, 26/12/2025 14:38:57